



báo cáo thường niên 2003

Trụ sở chính: Số 2 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 84 4 8313 700 Fax: 84 4 8313 717

Email: qhqt@fpt.vn

Website: www.agribank.com.vn

Mục lục

Tổng quan về Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	5
Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc	6
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	8
10 Sự kiện lớn năm 2003	11
Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2003	13
Tầm nhìn và mục tiêu chiến lược đến năm 2010	21
Các báo cáo tài chính	23
Giải thích các báo cáo tài chính	31
Mô hình tổ chức	39
Danh sách các phòng ban trực thuộc Trụ sở chính	40
Mạng lưới hoạt động trong nước	42

Tổng quan về Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam

Thành lập ngày 26/3/1988, hoạt động theo Luật các Tổ chức Tín dụng Việt nam, đến nay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (NHNo&PTNT VN) tiếp tục là ngân hàng giữ vai trò chủ đạo và chủ lực trong đầu tư vốn phát triển kinh tế cả nước đặc biệt là trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

Là ngân hàng **lớn nhất Việt nam cả về tài sản và mảng lƣói hoạt động**, đến cuối 2003, NHNo&PTNT VN có 5.423 tỷ VNĐ vốn tự có; trên 145 ngàn tỷ VNĐ tổng tài sản có; 1728 chi nhánh toàn quốc và 27.361 cán bộ nhân viên.

Là ngân hàng **luôn chú trọng đầu tư đổi mới** và ứng dụng công nghệ ngân hàng phục vụ đắc lực cho công tác quản trị kinh doanh và phát triển mảng lƣói dịch vụ ngân hàng tiên tiến. NHNo&PTNT VN đã kết nối mạng vi tính từ Trụ sở chính đến các chi nhánh trong toàn quốc, và một hệ thống các dịch vụ ngân hàng gồm dịch vụ chuyển tiền điện tử, dịch vụ thanh toán thẻ tín dụng quốc tế, dịch vụ ATM, dịch vụ thanh toán quốc tế qua mạng SWIFT. Đến nay, NHNo&PTNT VN hoàn toàn có đủ năng lực cung ứng các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng hiện đại, tiên tiến, tiện ích cho mọi đối tượng khách hàng trong và ngoài nước.

Là một trong số ngân hàng **có quan hệ ngân hàng đại lý lớn nhất Việt nam** với 888 ngân hàng đại lý tại 108 quốc gia và vùng lãnh thổ. Là thành viên Hiệp hội Tín dụng Nông nghiệp Nông thôn Châu Á Thái Bình Dương (APRACA), Hiệp hội Tín dụng Nông nghiệp Quốc tế (CICA) và Hiệp hội Ngân hàng Châu Á (ABA); đã đăng cai tổ chức nhiều hội nghị quốc tế lớn như Hội nghị FAO năm 1991, Hội nghị APRACA năm 1996 và năm 1998, Hội nghị tín dụng nông nghiệp quốc tế CICA năm 2001, Hội nghị APRACA về thuỷ sản năm tháng 4 năm 2003.

Là ngân hàng **hàng đầu tại Việt nam trong việc tiếp nhận và triển khai các dự án nước ngoài**, đặc biệt là các dự án của Ngân hàng Thế giới, Ngân hàng Phát triển Châu Á, Cơ quan Phát triển Pháp. Đến cuối 2003 đã tiếp nhận và quản lý có hiệu quả 68 dự án với tổng số vốn 2.486 triệu USD, số vốn qua NHNo&PTNT VN 1.740 triệu USD, đã giải ngân 667 triệu USD.

Với vị thế là ngân hàng thương mại lớn nhất ở Việt nam, NHNo&PTNT VN đã nỗ lực hết mình, đạt được nhiều thành tựu đáng khích lệ, đóng góp to lớn vào sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá và phát triển kinh tế của đất nước.

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc

Thưa quý vị,

Năm 2003, mặc dù còn nhiều khó khăn, thách thức lớn cả trong và ngoài nước, song nền kinh tế Việt nam vẫn tăng trưởng ở mức cao và đạt được kết quả khá toàn diện. So với năm 2002, tốc độ tăng trưởng GDP đạt 7,2%; cơ cấu kinh tế nhất là trong nông nghiệp tiếp tục chuyển biến theo hướng tích cực, đã xuất hiện thêm nhiều mô hình sản xuất kinh doanh hiệu quả; thu ngân sách nhà nước tăng mạnh; sức mua và chỉ số giá tăng; công tác xoá đói, giảm nghèo, tạo công ăn việc làm, phát triển kinh tế văn hoá xã hội tiếp tục đạt được nhiều thành tựu mới; đời sống nhân dân tiếp tục được cải thiện.

Hòa nhịp cùng đất nước, NHNo&PTNT VN mong muốn được cùng bè bạn trong nước và quốc tế chia sẻ những thành tựu đã đạt được trong năm 2003 cùng những cơ hội và thách thức của năm 2004 và những năm tới. Năm 2003, với định hướng chiến lược, mục tiêu và giải pháp kinh doanh đúng đắn, NHNo&PTNT VN đã vượt qua khó khăn, thách thức, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch.

Tổng nguồn vốn của NHNo&PTNT VN đạt 131.628 tỷ VNĐ, vượt mục tiêu đề ra của Hội đồng Quản trị, tăng 31,5%; Tổng dư nợ đạt 106.898 tỷ VNĐ, tăng 20,9%; Doanh số thanh toán xuất nhập khẩu đạt 2,9 tỷ USD bằng 144% so với năm 2002. Doanh số mua bán ngoại tệ đạt 8,1 tỷ USD.

Bên cạnh mở rộng kinh doanh trên thị trường trong nước góp phần thực hiện các mục tiêu kinh tế lớn của nhà nước đề ra, NHNo&PTNT VN tiếp tục mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế nhằm tranh thủ sự hợp tác toàn diện về vốn, công nghệ, phát triển nguồn nhân lực từ các hiệp hội, các tổ chức tài chính tín dụng quốc tế. NHNo&PTNT VN hiện là thành viên của APRACA, CICA và ABA, trong đó Tổng Giám đốc NHNo&PTNT VN là thành viên chính thức Ban Điều hành của APRACA và CICA. NHNo&PTNT VN tiếp tục khẳng định uy tín của mình với các tổ chức tài chính ngân hàng quốc tế như WB, ADB, AFD v.v... trong việc tiếp nhận và quản lý có hiệu quả các chương trình và dự án phát triển do các tổ chức này tài trợ.

Tính đến 2003, NHNo&PTNT VN đã tiếp nhận và triển khai có hiệu quả 68 dự án nước ngoài với tổng số vốn 2.486 triệu USD, số vốn qua NHNo&PTNT VN 1.740 triệu USD, đã giải ngân 667 triệu USD. Trong năm 2003 đã tiếp nhận thêm 6 dự án với tổng số vốn là 389 triệu USD.

Theo tiêu chuẩn kế toán Việt nam, kể từ năm 1994 đến nay, NHNo&PTNT VN luôn có tình hình tài chính lành mạnh, lãi năm sau cao hơn năm trước và hoàn thành mọi nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.

Năm 2003 là năm thứ ba NHNo&PTNT VN triển khai thực hiện Đề án tái cơ cấu với các nội dung chính là cơ cấu lại nợ, lành mạnh hóa tài chính, nâng cao chất lượng tài sản có, chuyển đổi việc quản lý tài chính theo chuẩn mực quốc tế, đổi mới sắp xếp lại bộ máy tổ chức theo mô hình Ngân hàng Thương mại hiện đại, tăng cường việc quản lý và phát triển nguồn nhân lực, tập trung đổi mới công nghệ ngân hàng, xây dựng hệ thống thông tin quản lý hiện đại ... Năm 2003, NHNo&PTNT VN đã đẩy nhanh tiến độ thực hiện Đề án Tái cơ cấu nhằm đưa hoạt động của NHNo&PTNT VN phát triển với quy mô lớn, chất lượng hiệu quả cao hơn, tăng năng lực cạnh tranh và chủ động trong hội nhập khu vực và quốc tế.

Với những đóng góp to lớn đối với nền kinh tế đất nước, năm 2003 NHNo&PTNT VN được Chính phủ phong tặng danh hiệu cao quý Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới.

Kết quả kinh doanh năm 2003 đã giúp NHNo&PTNT VN tạo thêm thế và lực mới, củng cố vai trò chủ đạo và chủ lực trên thị trường tín dụng nông nghiệp, nông thôn; mở rộng hoạt động bám sát yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật theo hướng ngân hàng hiện đại, nâng cao năng lực trình độ, cải thiện đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần cho đội ngũ cán bộ nhân viên, góp phần tích cực vào sự nghiệp đổi mới của đất nước, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân, giảm tỷ lệ đói nghèo, xứng đáng với lòng tin cậy của nhân dân, của Đảng và Nhà nước.

NHNo&PTNT VN tin tưởng rằng kết quả kinh doanh năm 2003 sẽ tạo tiền đề vững chắc cho NHNo&PTNT VN tiếp tục đạt được các chỉ tiêu kế hoạch năm 2004 và thực hiện tốt Đề án tái cơ cấu giai đoạn 2001 - 2005, phấn đấu trong nhiều năm tới tiếp tục giữ vững vị thế Ngân hàng Thương mại hàng đầu ở Việt nam và trở thành ngân hàng tiên tiến trong khu vực, có uy tín cao trên trường quốc tế.

Nhân dịp này chúng tôi xin bày tỏ lời cảm ơn về sự hợp tác có hiệu quả của các cấp, các ngành, các khách hàng, các cơ quan đối tác trong nước và quốc tế.

Chúc sự hợp tác ngày càng phát triển tốt đẹp.

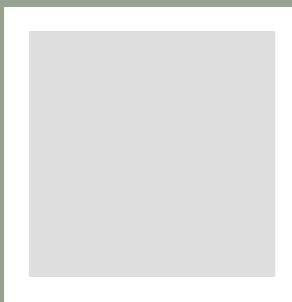
Xin gửi lời chào trân trọng.

CHỦ TỊCH HĐQT
Nguyễn Quốc Toản

TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Văn Sở

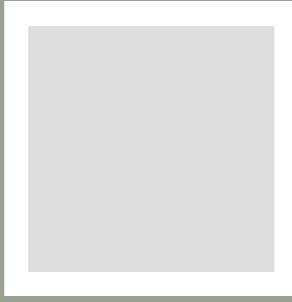
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

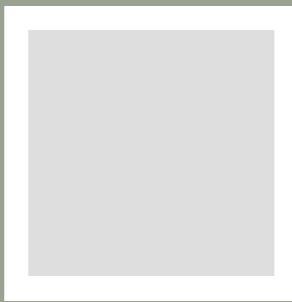


Ông NGUYỄN QUỐC TOÀN

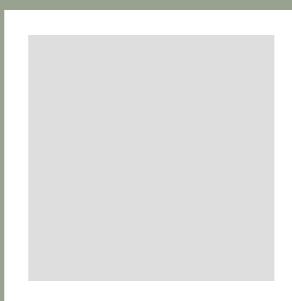
CÁC ỦY VIÊN



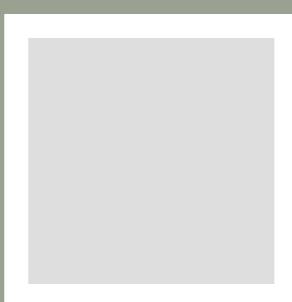
Ông LÊ VĂN SƠ



Ông NGUYỄN DUỆ



Ông HOÀNG ANH TUẤN



Ông VÕ HỒNG

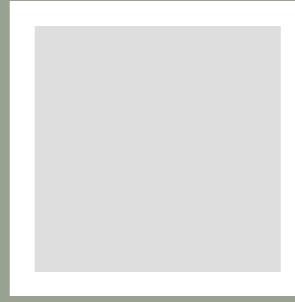
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG GIÁM ĐỐC

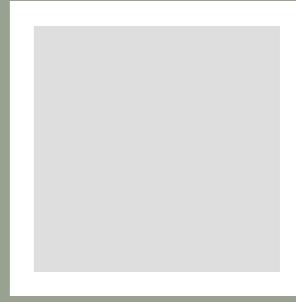


Ông LÊ VĂN SƠ

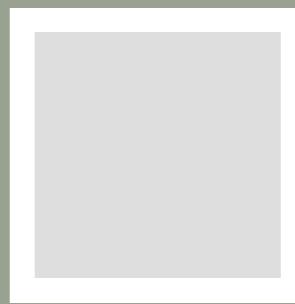
CÁC PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



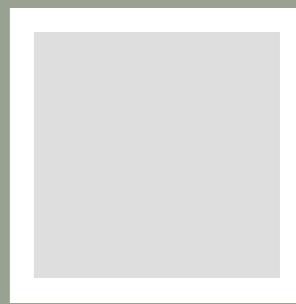
Ông ĐỖ TẤT NGỌC



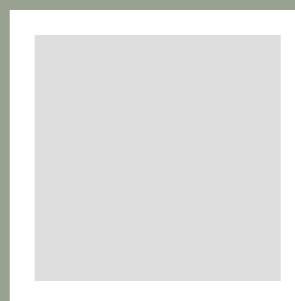
Ông TRẦN ĐÌNH ĐỊNH



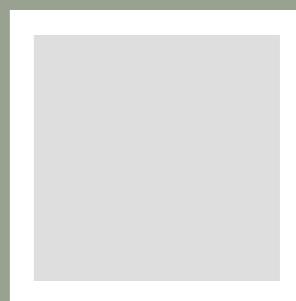
Ông KIỀU TRỌNG TUYẾN



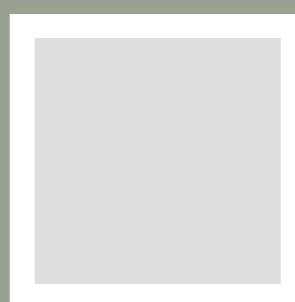
Ông PHẠM THANH TÂN



Ông NGUYỄN THẾ BÌNH



Ông NGUYỄN VĂN LÊ



Ông VŨ MINH TÂN

10 sự kiện lớn năm 2003

- Ngày 7/5/2003, Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt nam Trần Đức Lương ký quyết định số 226/2003/QĐ/CTN phong tặng danh hiệu Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới cho NHNo&PTNT VN
- Điều chỉnh thành công chiến lược từ phục vụ nông nghiệp, nông thôn sang kinh doanh đa năng và toàn diện hơn. Bên cạnh việc chú trọng phát triển thị trường nông nghiệp và nông thôn, mạng lưới chi nhánh của NHNo&PTNT VN được mở rộng nhanh chóng tại các thành phố, thị xã nhằm khai thác tối đa các lợi thế về huy động vốn, phát triển các dịch vụ, sản phẩm mới với định hướng tăng dần tỷ trọng thu nhập từ dịch vụ và mang các sản phẩm dịch vụ ngân hàng đến tận khách hàng.
- Tách bạch tín dụng thương mại và chính sách.
- Tạo bước chuyển biến mạnh mẽ về hiện đại hóa công nghệ. NHNo&PTNT VN là ngân hàng đầu tiên hoàn thành giai đoạn 1 Dự án hiện đại hóa ngân hàng và hệ thống thanh toán do Ngân hàng Thế giới (WB) tài trợ. Hiện nay hơn 100 chi nhánh các cấp của NHNo&PTNT VN đang vận hành theo dự án này.
- Chủ trì việc lập đề án và xây dựng điều lệ lập Công ty Cổ phần Chuyển mạch Tài chính Quốc gia.
- Tổ chức tiếp nhận nhanh gọn, thành công việc sáp nhập Tổng công ty vàng bạc đá quý Việt nam vào hệ thống NHNo&PTNT VN
- Mức huy động vốn và cho vay đạt con số lớn nhất từ trước đến nay và lớn nhất so với các Ngân hàng thương mại khác ở Việt nam
- Tạo bước đột phá về đào tạo cán bộ. Hiện nay toàn bộ hệ thống có 13 cơ sở đào tạo khu vực, binh quân một cán bộ viên chức được đào tạo khoảng 1 tháng/năm
- Là ngân hàng nhận được nhiều dự án quốc tế nhất, 68 dự án với tổng số vốn 2.486 triệu USD
- Thành viên ban điều hành của hai tổ chức quốc tế lớn là CICA, APRACA. Tổng Giám đốc NHNo&PTNT VN giữ trọng trách Chủ tịch Hiệp hội ngân hàng Việt nam nhiệm kỳ 2003 - 2007 và Chủ tịch Hội Mỹ nghệ Kim hoàn Đá quý Việt nam nhiệm kỳ 2003-2008.

Kết quả hoạt động kinh doanh

Với định hướng chiến lược, mục tiêu và giải pháp kinh doanh đúng đắn, trong năm 2003, NHNo&PTNT VN đã vượt qua khó khăn, thách thức, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch đề ra, tiếp tục tạo đà phát triển cho những năm tới. Cụ thể như sau:

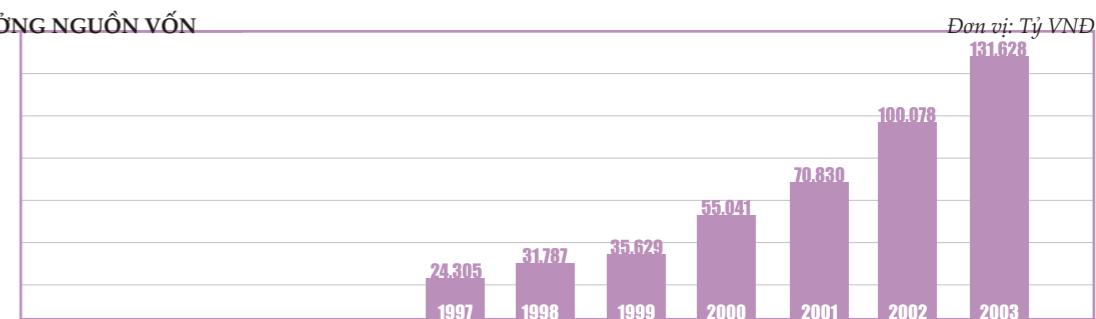
Tăng trưởng nguồn vốn

Nguồn vốn kinh doanh tiếp tục tăng mạnh. Giai đoạn 1997-2003 đạt tốc độ tăng trưởng bình quân gần 33%/năm. Năm 2003 tổng nguồn vốn đạt 131.628 tỷ VND, vượt mục tiêu đề ra của Hội đồng Quản trị, tăng 31,5% so với năm 2002 và tăng gấp trên 5 lần tổng nguồn vốn năm 1997.

Trong tổng số 131.628 tỷ VND, nguồn vốn của NHNo&PTNT VN là 123.200 tỷ VND, trong đó tiền gửi của khách hàng là 114.452 tỷ VND, chiếm tỷ trọng 86,95%; nguồn vốn uỷ thác đầu tư cho Ngân hàng Chính sách Xã hội là 6.499 tỷ VND.

Nguồn vốn huy động tiếp tục tăng trưởng cao và ổn định là do trong năm toàn hệ thống coi trọng công tác huy động vốn, đặc biệt nguồn vốn trung và dài hạn; áp dụng các hình thức huy động vốn phong phú; đẩy mạnh công tác tiếp thị, thực hiện tốt hơn chính sách khách hàng; kiên trì với chủ trương khai tăng nguồn vốn từ dân cư, tạo cân đối lành mạnh giữa nguồn vốn và nhu cầu cho vay.

TĂNG TRƯỞNG NGUỒN VỐN



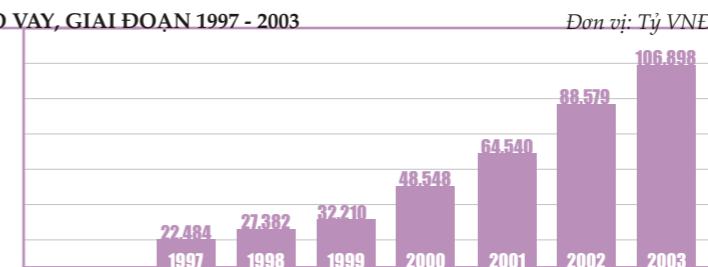
Đẩy mạnh cho vay đi đôi với nâng cao chất lượng tín dụng

Dư nợ cho vay giai đoạn 1997-2003 đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 42,6%/năm. Tổng dư nợ năm 2003 đạt 106.898 tỷ VND, tăng 20,9% so với năm 2002, vượt mục tiêu đề ra của Hội đồng Quản trị.

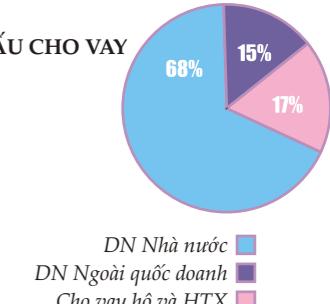
Dư nợ ngoại tệ đến cuối 2003 đạt 630 triệu USD, trong đó cho vay ngắn hạn là 317 triệu, cho vay trung và dài hạn đạt 313 triệu USD.

Tập trung triển khai tích cực và hiệu quả Đề án tái cơ cấu, năm 2003, NHNo&PTNT VN đã tích cực mở rộng thị trường, thị phần; tiếp tục coi trọng thị trường nông nghiệp, nông thôn và cho vay người nghèo đi đôi với việc tăng cường mở rộng thị phần thành thị và các ngành kinh tế quan trọng bằng việc mở thêm các chi nhánh cấp II, phòng giao dịch, chi nhánh công ty trực thuộc, thực hiện các dự án cho vay đồng tài trợ. Dư nợ cho vay doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã, cho thuê tài chính đều tăng trưởng cao. Các chi nhánh trong toàn hệ thống đều có ý thức vươn lên khắc phục khó khăn, xây dựng các giải pháp hữu hiệu, chủ động tìm kiếm khách hàng để đẩy mạnh đầu tư cho vay, giữ và thu hút khách hàng mới.

ĐƠN VỊ: Tỷ VND



CƠ CẤU CHO VAY

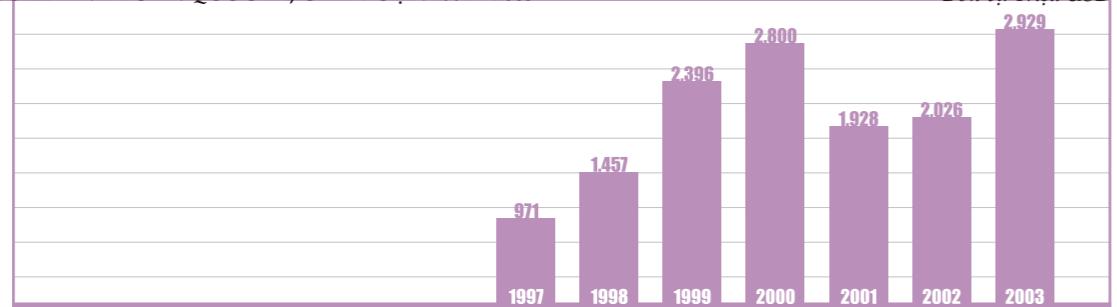


Tăng cường năng lực tài chính

Qua ba năm thực hiện Đề án tái cơ cấu, năng lực tài chính của NHNo&PTNT VN đã không ngừng được nâng cao. Từ chỗ vốn điều lệ chỉ có 2.275 tỷ VND, đến cuối năm 2003 vốn điều lệ của NHNo&PTNT VN đã đạt 5.423 tỷ VND.

NHNo&PTNT VN cũng đã tiến một bước đáng kể trong việc xử lý nợ xấu, lành mạnh hóa tình trạng tài chính. Trong năm 2003, đã trích lập quỹ dự phòng rủi ro 1.260 tỷ đồng; xử lý rủi ro 1.170 tỷ đồng; thu hồi vốn sau xử lý 171 tỷ đồng. Năm 2003, nợ quá hạn chỉ còn 1.679 tỷ đồng, chiếm 1,4% tổng dư nợ. Công tác hạch toán kế toán cũng đã và đang được cải tiến mạnh mẽ theo hướng chuyển hệ thống kế toán hiện hành theo chuẩn mực quốc tế.

DOANH SỐ THANH TOÁN QUỐC TẾ, GIAI ĐOẠN 1997 - 2003



Thanh toán quốc tế

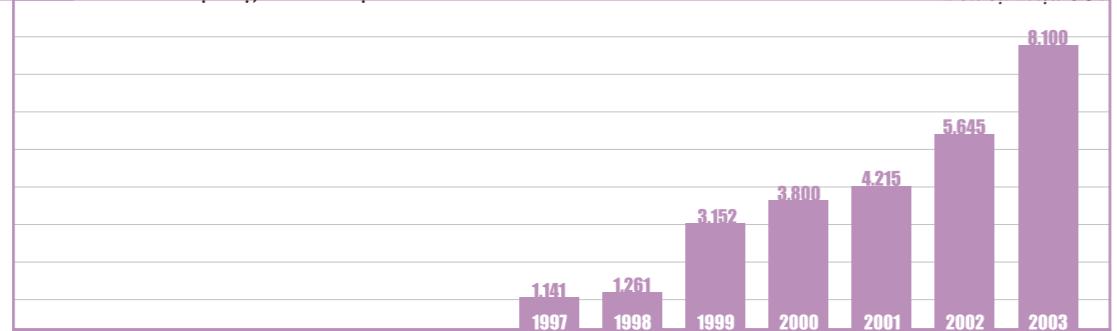
Mạng lưới thanh toán quốc tế của NHNo&PTNT VN ngày càng được mở rộng. Với việc triển khai chiến lược kinh doanh trên các địa bàn thành phố, mạng lưới kinh doanh đối ngoại nói chung và thanh toán quốc tế nói riêng của NHNo&PTNT VN đã không ngừng được mở rộng. Mọi giao dịch thanh toán quốc tế đều được tập trung kiểm soát tại Trụ sở chính. Bên cạnh đó, công tác đào tạo cán bộ, xây dựng đội ngũ chuyên gia giỏi về nghiệp vụ thanh toán quốc tế cũng được chú trọng. Năm 2003, có hơn 2000 lượt cán bộ nghiệp vụ thanh toán quốc tế đã được cử đi đào tạo ở trong và ngoài nước.

Hoạt động thanh toán quốc tế toàn hệ thống đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 28,8%/năm giai đoạn 1997-2003. Năm 2003, doanh số thanh toán quốc tế tăng 48% so với năm 2002, chất lượng thanh toán quốc tế toàn hệ thống tiếp tục được nâng cao, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và thu hút khách hàng của NHNo&PTNT VN.

Kinh doanh ngoại tệ

Kinh doanh ngoại tệ tăng trưởng mạnh, đặc biệt từ năm 1999. Tốc độ tăng trưởng bình quân từ 1997-2003 đạt 40,5%. Năm 2003, doanh số mua bán ngoại tệ đạt 8,1 tỷ USD, tăng 43% so với năm 2002. Trong đó doanh số mua vào là 4 tỷ USD, doanh số bán ra là 4,1 tỷ USD.

DOANH SỐ MUA BÁN NGOẠI TỆ, GIAI ĐOẠN 1997 - 2003



Thanh toán biên giới

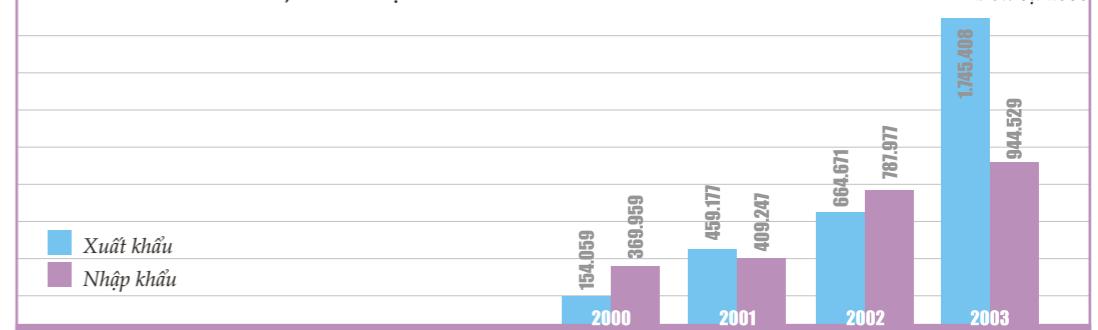
Bên cạnh hoạt động thanh toán quốc tế, NHNo&PTNT VN là ngân hàng thương mại Việt nam đầu tiên triển khai nghiệp vụ thanh toán biên giới bằng đồng Việt nam và Nhân dân tệ với các Ngân hàng thương mại Trung quốc, đến nay toàn hệ thống đã có 5 chi nhánh thực hiện thanh toán biên giới với các Ngân hàng thương mại Trung quốc bằng VND và CNY là Lào cai, Quảng ninh, Hà giang, Lạng sơn và Cao bằng.

Cho đến nay, hoạt động thanh toán biên giới của NHNo&PTNT VN luôn giữ nhịp độ tăng trưởng nhanh và đảm bảo an toàn. Năm 2003, doanh số thanh toán XNK với Trung quốc đạt 5.297 tỷ đồng (năm 2002 là 1.227 tỷ VND), tăng 332% so với năm 2002.

Hiện nay, NHNo&PTNT VN đã có quan hệ thanh toán biên giới với Ngân hàng Nông nghiệp, Ngân hàng Công thương và Ngân hàng Ngoại thương Trung Quốc. NHNo&PTNT VN là ngân hàng Việt nam đầu tiên thực hiện thanh toán biên giới qua mạng SWIFT theo thông lệ quốc tế.

Cùng với việc đẩy mạnh hoạt động thanh toán quốc tế, hoạt động thanh toán biên giới cũng đã và đang được chú trọng mở rộng, góp phần đa dạng hóa sản phẩm và dịch vụ, duy trì quan hệ với khách hàng truyền thống và thu hút thêm khách hàng mới, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện chu trình cho vay khép kín từ khâu nguyên liệu, sản xuất đến khâu chế biến, tiêu thụ và xuất khẩu.

DOANH SỐ THANH TOÁN BIÊN GIỚI, GIAI ĐOẠN 2000 - 2003



Tiếp nhận và quản lý các dự án đầu tư nước ngoài

NHNo&PTNT VN tiếp tục khẳng định uy tín và năng lực của mình với các tổ chức quốc tế và được các tổ chức này đặc biệt đánh giá cao trong việc tiếp nhận và thực hiện các dự án đầu tư nước ngoài.

Tính đến cuối năm 2003, đã tiếp nhận và triển khai có hiệu quả 68 dự án với tổng trị giá 2.486 triệu USD; trong đó vốn qua NHNo&PTNT VN là 1.740 triệu USD. Qua đó khẳng định là ngân hàng thu hút và triển khai các dự án nước ngoài với số lượng lớn nhất trong số các Ngân hàng Thương mại tại Việt nam hiện nay.

Các dự án tiếp tục hướng vào mục tiêu mở rộng tín dụng phát triển nông nghiệp, nông thôn, chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, tạo công ăn việc làm, cải thiện đời sống người dân tại các vùng nông thôn Việt Nam. Đồng thời góp phần hỗ trợ kỹ thuật, dịch vụ, trang thiết bị làm việc, tạo cơ hội cho đội ngũ cán bộ nhân viên NHNo&PTNT VN tiếp cận những công nghệ, kỹ năng ngân hàng thương mại tiên tiến, hiện đại trong khu vực cũng như trên thế giới.

Đa dạng hóa các dịch vụ ngân hàng

Bên cạnh phát triển mạnh nghiệp vụ tín dụng truyền thống, NHNo&PTNT VN ngày càng chú trọng việc mở rộng và phát triển các loại hình dịch vụ ngân hàng, tăng dần tỷ trọng thu nhập từ các dịch vụ ngân hàng.

NHNo&PTNT VN tiếp tục đẩy mạnh phát triển các dịch vụ ngân hàng như dịch vụ cho thuê tài chính; kinh doanh chứng khoán; kinh doanh vàng bạc đá quý; cung ứng các dịch vụ bảo hiểm, quản lý tài sản; mở rộng mạng ATM, thanh toán thẻ tín dụng quốc tế VISA CARD, MASTER CARD...

Trong năm 2003, NHNo&PTNT VN đã tích cực triển khai Đề án phát triển kinh doanh tại 4 thành phố lớn là Hà nội, Hải phòng, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh. Bên cạnh các sản phẩm, dịch vụ hiện hành, các dịch vụ sản phẩm mới được triển khai tại 4 thành phố này trong năm 2003 bao gồm: dịch vụ trả tiền nhanh Western Union; dịch vụ cho vay các nhà Phân phối Unilever với Deutsch Bank; dịch vụ cho vay trả góp đối với khách hàng mua sản phẩm của các công ty như Ford, Toyota; dịch vụ chi trả thẻ tín dụng; dịch vụ thu tiền tại nhà; làm đại lý bảo hiểm; huy động và cho vay bằng vàng, cho vay chứng khoán.

Đặc biệt nhằm đa dạng hóa các kênh chuyển tiền từ nước ngoài về Việt nam, NHNo&PTNT VN đã ký hợp đồng đại lý trực tiếp với Công ty chuyển tiền nhanh Western Union nhằm chủ động trong chiến lược phát triển dịch vụ, phát triển mạng lưới đại lý chi trả lên đến 1.300 điểm (tăng 700 điểm so với 2002). Hiện đã triển khai chương trình phần mềm Western Union đến 100% chi nhánh cấp 1, tiếp tục thực hiện dự án nối mạng trực tuyến với công ty chuyển tiền nhanh Western Union.

Thực hiện mục tiêu đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ ngân hàng nhằm đẩy nhanh tiến trình hội nhập khu vực và quốc tế, những năm qua bên cạnh tăng cường đầu tư đổi mới, hiện đại hóa công nghệ ngân hàng, NHNo&PTNT VN đã đặc biệt quan tâm đầu tư, phát triển nghiệp vụ thẻ, coi đây là một trong 4 nhóm dịch vụ ưu tiên phát triển hàng đầu trong chiến lược kinh doanh toàn ngành từ nay đến năm 2010.

Ngày 18/7/2003, Trung tâm thẻ NHNo&PTNT VN được thành lập đánh dấu một bước tiến mới về nghiệp vụ thẻ của NHNo&PTNT VN. Chỉ sau 5 tháng triển khai thí điểm dịch vụ ATM với 52 máy ATM tại 11 chi nhánh áp dụng chương trình IPCAS thuộc dự án do WB tài trợ. Số lượng thẻ ATM do NHNo&PTNT VN phát hành đã đạt 46.000 thẻ, với doanh số giao dịch đạt 30 tỷ đồng.

Bên cạnh nghiệp vụ thẻ ATM đã và đang được triển khai mạnh mẽ, NHNo&PTNT VN cũng đã chuẩn bị các điều kiện cần và đủ để triển khai các sản phẩm thẻ nội địa (Thẻ tín dụng nội địa và thẻ ghi nợ nội địa).

Ngoài ra, NHNo&PTNT VN cũng đã hoàn tất hồ sơ gia nhập thành viên các tổ chức thẻ quốc tế Visa, Master Card; tham gia hoàn thành thủ tục thành lập công ty cổ phần chuyển mạch tài chính quốc gia Việt nam, trong đó NHNo&PTNT VN là thành viên giữ vai trò chủ đạo.

Những năm tới, NHNo&PTNT VN đang cố gắng thực hiện các sản phẩm, dịch vụ mang tính ứng dụng công nghệ ngân hàng cao như dịch vụ ngân hàng điện tử (E-Banking), dịch vụ ngân hàng tại gia (Home-Banking)...

Tăng cường ứng dụng công nghệ ngân hàng

Tiếp tục đề cao vai trò của phát triển và ứng dụng công nghệ tin học vào hoạt động ngân hàng, trong năm 2003, NHNo&PTNT VN đã triển khai một loạt các chương trình ứng dụng tin học, bao gồm: Hệ thống thông tin báo cáo và hệ thống giao dịch trực tiếp; Hệ thống chuyển tiền điện tử, truyền tin Fastnet và hệ thống quản lý nhân sự; Nâng cấp kết nối giao dịch hai chiều và kết nối mạng Online với Kho bạc Nhà nước Trung ương; Xây dựng chương trình giao dịch trực tuyến đồng bộ về cơ chế huy động vốn; Triển khai Dự án ngân hàng bán lẻ.

NHNo&PTNT VN & PTNT VN đã hoàn thành triển khai giai đoạn 1 dự án WB, đã có 11 chi nhánh cấp 1 và 115 chi nhánh trực thuộc các chi nhánh cấp 1 được triển khai dự án WB.

Trong năm 2003 đã có 27 chi nhánh được triển khai dự án ngân hàng bán lẻ.

Triển khai hệ thống chuyển tiền điện tử đến các chi nhánh cấp 1 và 800 chi nhánh cấp 2,3

Tổ chức triển khai mạng diện rộng (Wan) đến 43 chi nhánh cấp tỉnh, thành phố lớn; xây dựng đường truyền trực tuyến (Leased Line) cho 30 chi nhánh tỉnh, thành phố và Quận trực thuộc vận hành hệ thống WB.

Chiến lược công nghệ tin học của NHNo&PTNT VN là tiếp tục đẩy mạnh đầu tư hiện đại hóa công nghệ ngân hàng, tập trung xây dựng phần mềm ứng dụng gắn với dịch vụ tiện ích của ngân hàng và trang thiết bị kỹ thuật, đi đôi với việc đào tạo cán bộ đủ năng lực để tiếp nhận kỹ thuật mới.

Chiến lược hiện đại hóa công nghệ ngân hàng được xây dựng và thực hiện trên cơ sở tự lực cao độ và vận dụng sáng tạo các chương trình hiện đại của quốc tế.

Chú trọng đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

Năm 2003, công tác đào tạo tiếp tục được triển khai mạnh mẽ từ Trụ sở chính tới các khu vực và chi nhánh. Trong năm, toàn hệ thống đã tổ chức 1819 khóa đào tạo cho 67.552 lượt cán bộ. Trong đó đặc biệt chú trọng đào tạo tin học cơ bản và tin học ứng dụng cho cán bộ đạt tỷ lệ 88,5%.

Chất lượng đào tạo được nâng cao, bám sát thực tiễn kinh doanh và yêu cầu của tiến trình phát triển, hiện đại hóa, cạnh tranh và hội nhập. Các chương trình đào tạo được xây dựng bài bản, khoa học. Công tác quản lý sau đào tạo được chú trọng hơn. Kết quả khảo sát cho thấy, các học viên đã vận dụng tốt hơn kết quả đào tạo vào công việc thực tế của mình.

Về công tác nhân sự, NHNo&PTNT VN tiếp tục xem xét, đánh giá lại một loạt các vấn đề về cấu trúc nhân sự, mô tả công việc, xây dựng quy chế nhân viên, thực hiện phân công phân nhiệm rõ ràng hơn. Các vấn đề về tuyển dụng, tiền lương, tiền thưởng; vấn đề quy hoạch đội ngũ cán bộ; vấn đề đánh giá khả năng làm việc, đề bạt; vấn đề đào tạo, tích cực phổ biến thông tin, tổ chức tập huấn nghiệp vụ để nâng cao trình độ chuyên môn cũng được rà soát lại toàn bộ với mục tiêu xây dựng một đội ngũ cán bộ nhân viên đáp ứng được yêu cầu công việc và công tác trong mọi vị trí, đảm bảo thực hiện tốt mục tiêu chiến lược đề ra của toàn ngành. NHNo&PTNT VN coi đây là một trong những nội dung quan trọng trong việc triển khai thực hiện đề án tái cơ cấu.

Tăng cường công tác phòng ngừa và quản lý rủi ro

Nhận thức đầy đủ vai trò to lớn của công tác này đối với hoạt động của một ngân hàng thương mại hiện đại, trong năm 2003 NHNo&PTNT VN đã tích cực hoàn thiện quy chế quản lý rủi ro trong toàn hệ thống; nâng cao chất lượng của hệ thống thông tin phòng ngừa rủi ro; xây dựng hệ thống đo lường, đánh giá rủi ro, áp dụng các phần mềm về quản lý rủi ro. Cụ thể, NHNo&PTNT VN đã xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thông tin khách hàng trên cơ sở dữ liệu Oracle đảm bảo thông tin tín dụng chính xác, kịp thời; Kết nối mạng thông tin tín dụng WEB-CIC của Trung tâm Thông tin Tín dụng Ngân hàng Nhà nước và mạng thông tin của Hiệp hội Kinh tế Việt nam, mạng thông tin của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt nam và của Bộ Thương mại để khai thác, cung cấp thông tin về khách hàng, về kinh tế thương mại phục vụ cho công tác quản trị kinh doanh và đầu tư tín dụng của các chi nhánh trong toàn hệ thống; Phối hợp cùng Trung tâm Thông tin Tín dụng Ngân hàng Nhà nước cài đặt trang WEB-CIC cho hầu hết các chi nhánh trên địa bàn Hà nội, Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng; Xây dựng giáo trình và tổ chức giảng dạy nội ngành các kiến thức về lĩnh vực quản trị rủi ro cho toàn hệ thống ... Ngân hàng Phát triển Châu Á đánh giá cao nỗ lực của NHNo&PTNT VN trong việc triển khai các nội dung về phòng ngừa và quản lý rủi ro.

Những năm tới, NHNo&PTNT VN tiếp tục đầu tư nâng cao chất lượng của công tác phòng ngừa rủi ro, coi đây là một trong những nội dung quan trọng trong hoạt động của ngân hàng.

Các hoạt động xã hội từ thiện của NHNo&PTNT VN

Các hoạt động xã hội từ thiện được Ban lãnh đạo quan tâm chỉ đạo thực hiện, mang lại hiệu quả thiết thực. Phát huy truyền thống uống nước nhớ nguồn, lá lành đùm lá rách của một đơn vị anh hùng thời kỳ đổi mới, năm 2003 cán bộ đoàn viên toàn hệ thống tham gia ủng hộ các quỹ từ thiện như sau

- Ủng hộ Quỹ "Đền ơn đáp nghĩa" tổng số tiền 1.468 triệu đồng đã sử dụng vào việc xây dựng 35 căn nhà tình nghĩa tại 9 tỉnh tặng các đối tượng chính sách.
 - Ủng hộ Quỹ "Vì người nghèo" tổng số tiền 1.586 triệu đồng đã sử dụng vào việc xây dựng "Nhà đại đoàn kết" tại 15 tỉnh.
 - Ủng hộ Quỹ "Vì trẻ em Việt nam" tổng số tiền 1.310 triệu đồng đã sử dụng vào việc xây dựng trường học cho trẻ em tỉnh Ninh Thuận, hỗ trợ phẫu thuật cho 250 trẻ em bị dị tật vận động và hỗ trợ xây dựng điểm vui chơi cho trẻ em tại các tỉnh Hưng Yên, Quảng Nam, Kon Tum, Bến Tre, Hà Giang.
- Năm 2003, cán bộ công nhân viên toàn hệ thống NHNo&PTNT VN đã quyên góp
■ được 33 tỷ đồng vào mục đích từ thiện.

Nhằm xây dựng, phát triển và quảng bá thương hiệu của NHNo&PTNT VN trong nước và quốc tế, NHNo&PTNT VN đã tham gia tài trợ cho các sự kiện thể thao lớn như SEA Games 22, PARA Games 2. Theo các hợp đồng tài trợ này, NHNo&PTNT VN đã chính thức trở thành nhà cung cấp dịch vụ tài chính ngân hàng chính thức của SEA Games 22 và PARA Games 2. Việc tham gia tài trợ cho các sự kiện thể thao lớn này là bước phát triển ở tầm cao mới và thể hiện chủ trương nhất quán của NHNo&PTNT VN đó là tích cực tham gia tài trợ cho các hoạt động xã hội rộng lớn và thực hiện văn hoá doanh nghiệp truyền thống của NHNo&PTNT VN "Trung thực, kỷ cương, sáng tạo, chất lượng, hiệu quả".

Tâm nhìn và Mục tiêu chiến lược

Với phương châm triết lý kinh doanh là “**mang phồn thịnh đến với khách hàng**”, mục tiêu của NHNo&PTNT VN vẫn là tiếp tục giữ vững vị trí ngân hàng thương mại hàng đầu Việt Nam và phấn đấu đến cuối năm 2010 trở thành một tập đoàn tài chính-ngân hàng tiên tiến trong khu vực và có uy tín cao trên trường quốc tế.

NHNo&PTNT VN kiên trì với định hướng chiến lược phát triển là: Tiếp tục triển khai mạnh mẽ đề án tái cơ cấu. Kiện toàn một bước về tổ chức bộ máy và cán bộ theo hướng: giảm cầu cấp trung gian; cải cách khâu kế toán; nâng cao chất lượng cán bộ tham mưu tại Trụ sở chính; tập trung đào tạo lại tay nghề cho đội ngũ CBNV; đẩy nhanh ứng dụng công nghệ tin học; tăng cường công tác kiểm tra, kiểm toán nội bộ; rà soát, bổ sung quy chế điều hành ở các cấp ngân hàng vừa đảm bảo thực hiện đúng quy trình tác nghiệp, vừa xác định rõ công việc và trách nhiệm của mỗi cán bộ, nhân viên. Đảm bảo đẩy nhanh tiến trình hội nhập khu vực và quốc tế, tăng cường hợp tác, tranh thủ tối đa sự hỗ trợ về tài chính, kỹ thuật, công nghệ tiên tiến của các nước, các tổ chức tài chính-ngân hàng quốc tế đảm bảo hoạt động đạt hiệu quả cao, ổn định và phát triển bền vững. Giai đoạn 2002 - 2005 phấn đấu hoàn thành việc tạo lập những tiền đề quan trọng cho sự phát triển của các năm tiếp theo.

Đến năm 2005, phấn đấu tăng tổng nguồn vốn từ 25-28%/năm, tổng dư nợ từ 20-25%/năm, trong đó tỷ trọng tín dụng trung dài hạn tối đa chiếm 45% tổng dư nợ trên cơ sở cân đối nguồn vốn cho phép; nợ quá hạn dưới 1% tổng dư nợ; lợi nhuận tối thiểu tăng 10%.

Coi trọng công tác huy động vốn, đặc biệt nguồn vốn huy động từ dân cư, nguồn vốn trung và dài hạn để tạo thế ổn định. Đồng thời đẩy mạnh quan hệ đối ngoại nhằm thu hút nguồn vốn uỷ thác đầu tư, đáp ứng nhu cầu phát triển của nền kinh tế. Chú trọng đầu tư theo hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Coi trọng ứng dụng tin học vào hoạt động ngân hàng. Tập trung đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ.

Thực hiện đa dạng hóa các sản phẩm tín dụng và dịch vụ ngân hàng cũng như các đối tượng khách hàng để nâng cao tỷ trọng thu nhập từ dịch vụ. Tập trung nâng cao chất lượng tín dụng, có chính sách thích hợp nhằm ngăn chặn rủi ro tín dụng. Tăng cường năng lực tài chính thông qua thực hiện cơ chế lãi suất thực dương và thực hiện chỉ huy lãi suất tập trung tại Trụ sở chính. Áp dụng lãi suất huy động và cho vay linh hoạt theo tín hiệu cung cầu của thị trường. Kiện toàn cơ chế khoán tài chính đến từng người lao động.

Các báo cáo tài chính

CƠ SỞ ĐỀ SOẠN LẬP CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cơ sở soạn lập các báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính được lập theo đơn vị là triệu đồng Việt nam (ký hiệu là triệu VNĐ) theo quy ước giá gốc và tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành áp dụng cho các ngân hàng và tổ chức tín dụng hoạt động tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (CH XHCN VN)

Năm tài chính

Năm tài chính của ngân hàng bắt đầu từ ngày 1/1 đến ngày 31/12

Các giao dịch bằng ngoại tệ và số dư ngoại tệ

Tài sản và công nợ bằng ngoại tệ được quy đổi sang đồng Việt nam theo tỷ giá chuyển khoản tại ngày lập bảng cân đối. (1 USD = 15.645 VND)

Các khoản mục ngoại bảng

Theo các nguyên tắc kế toán được áp dụng chung cho các Ngân hàng tại nước CH XHCN VN, các khoản mục ngoại bảng mà khách hàng không có khả năng thanh toán như thư tín dụng, bảo lãnh vay nợ và các khoản bảo lãnh khác sẽ không được ngân hàng ghi nhận trong Bảng cân đối kế toán cho đến khi ngân hàng tiến hành thanh toán thay khách hàng cho bên thứ ba. Trong trường hợp đó, khoản tiền mà ngân hàng trả thay cho khách hàng sẽ được ghi nhận là khoản cho vay bắt buộc trong tài khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng.

Thu nhập lãi và chi phí trả lãi

Theo Thông tư 92/2000/TT-BTC ngày 14/09/2000 của Bộ Tài chính và quyết định số 652/2001/QĐ-NHNN ngày 17/5/2001 của Ngân hàng Nhà nước, ngân hàng hạch toán thu nhập lãi và chi phí trả lãi trên cơ sở dự thu, dự chi.

Thu phí và hoa hồng

Phí và hoa hồng bao gồm hoa hồng thu được từ việc thực hiện dịch vụ đại lý cho các dự án ODA, phí dịch vụ chuyển tiền (gồm cả phí dịch vụ thanh toán séc) phí về nghiệp vụ kinh doanh ngoại tệ, phí liên quan đến các khoản cho vay, phí bảo lãnh và mở thư tín dụng.

Đối với một số dự án, hoa hồng thu được từ dịch vụ đại lý được hạch toán vào thu nhập khi ngân hàng giải ngân các khoản cho vay, đối với một số dự án khác thì hoa hồng được ghi khi thực nhận. Một phần phí của các khoản cho vay được hạch toán vào thu nhập khi giải ngân. Hoa hồng từ các nghiệp vụ kinh doanh ngoại tệ được hạch toán vào thu nhập trên cơ sở thực thu.

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

Các công ty thành viên

Các công ty thành viên là các công ty mà ngân hàng có khả năng gián tiếp hoặc trực tiếp kiểm soát tài chính và các hoạt động của công ty. Các công ty này được hợp nhất trong báo cáo tài chính của ngân hàng trên cơ sở tính trọng yếu hoặc theo yêu cầu của ngân hàng nhà nước. Tất cả những giao dịch và số dư các tài khoản giữa các công ty thành viên với nhau hoặc giữa ngân hàng với các công ty thành viên đã được loại trừ.

Liên doanh và các khoản đầu tư khác

Góp vốn liên doanh và các khoản đầu tư khác được hạch toán theo nguyên tắc giá gốc. Các cổ phiếu niêm yết được hạch toán trên nguyên tắc giá trị thấp hơn giữa giá mua vào và giá thị trường. Cổ tức được hạch toán vào thu nhập khi thực nhận. Khi các khoản đầu tư được bán hoặc liên tục giảm giá thấp hơn giá thị trường, lãi lỗ phát sinh do các điều chỉnh về giá trị hợp lý của những khoản đầu tư này sẽ được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh.

Các chứng khoán

Trái phiếu và kỳ phiếu kho bạc do kho bạc nhà nước và ngân hàng nhà nước phát hành và được hưởng lãi. Trái phiếu và kỳ phiếu kho bạc có thời hạn cố định. Do thị trường đối với các khoản đầu tư này chưa phát triển, do hạn chế về tính thanh khoản và do Ban Tối Giám đốc ngân hàng có chủ định giữ đến ngày đáo hạn, các chứng khoán này được phân loại là trái phiếu đầu tư dài hạn. Trái phiếu kho bạc được ghi nhận theo nguyên giá bao gồm cả chi phí giao dịch. Trái phiếu kho bạc đặc biệt do chính phủ phát hành theo chương trình bổ sung vốn pháp định, được phân loại là chứng khoán đầu tư dài hạn, vì hiện tại trái phiếu này không chuyển nhượng được và được ghi nhận trên giá trị danh nghĩa. Lãi thu được trong thời gian nắm giữ trái phiếu này được dự thu và ghi nhận vào thu nhập

Các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng

Các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng được trình bày trên bảng cân đối kế toán theo số dư nợ gốc trừ đi dự phòng rủi ro tín dụng. Cho vay ngắn hạn là các khoản cho vay có thời hạn trả nợ trong vòng một năm kể từ thời điểm cho vay, cho vay trung hạn là những khoản cho vay có thời hạn trả nợ trong khoảng thời gian từ một năm đến năm năm kể từ thời điểm cho vay và cho vay dài hạn là các khoản cho vay có thời hạn trả nợ trên năm năm tính từ thời điểm cho vay. Các khoản cho vay được xóa nợ sau khi hoàn thành thủ tục thanh lý hoặc về pháp lý được coi là khó đòi. Về pháp lý nợ được coi là khó đòi khi quá hạn trên hai năm đối với nợ có tài sản đảm bảo, hoặc trên một năm đối với nợ không có tài sản đảm bảo, hoặc trên một năm đối với nợ không có tài sản đảm bảo, hoặc khi người vay đã tuyên bố phá sản, hoặc khi hoạt động kinh doanh của họ bị giải thể hoặc thanh lý.

Dự phòng rủi ro đối với các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng

Theo Quyết định số 488/2000/QĐ-NHNN5 ngày 27 tháng 11 năm 2000 của Ngân hàng Nhà nước Việt nam, các tổ chức tín dụng lập dự phòng rủi ro tín dụng theo tỷ lệ quy định trên số dư nợ quá hạn tại ngày cuối cùng trong tháng thứ hai của quý cuối cùng trong năm với các tỷ lệ khác nhau tuỳ thuộc vào khoản cho vay có được bảo đảm hay không. Hơn nữa, theo hướng dẫn 388/CV-CVH của Ngân hàng Nhà nước ngày 09/08/2001, ngân hàng phải trích dự phòng cho các khoản nợ khoanh đã hết thời hạn khoanh.

Dự phòng rủi ro cho các khoản cho vay và ứng trước cho các ngân hàng khác

Dự phòng rủi ro tín dụng cho các khoản cho vay và ứng trước cho các ngân hàng khác được tính dựa trên quyết định 488/QĐ-NHNN5. Tại ngày cuối cùng trong tháng thứ hai của quý cuối cùng trong năm 2003, không có số dư nợ quá hạn đối với các khoản cho vay và ứng trước cho các ngân hàng. Do vậy, không cần thiết lập dự phòng cho các khoản cho vay và ứng trước cho các ngân hàng khác vào thời điểm 31/12/2003.

Nợ quá hạn

Theo quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Ngân hàng Nhà nước Việt nam, nợ quá hạn được xác định là toàn bộ nợ gốc quá hạn khi phần nợ gốc hoặc lãi đã quá hạn trừ khi thời hạn thanh toán lãi hoặc gốc được điều chỉnh hoặc được gia hạn.

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc trừ khấu hao lũy kế. Khấu hao được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng hữu ích ước tính của tài sản, theo Quyết định 166/1999/QĐ-BTC ngày 30/12/1999 của Bộ Tài chính. Tỷ lệ khấu hao hàng năm được áp dụng như sau:

Đơn vị tính %	
<u>Đất và nhà cửa</u>	<u>3,33-10</u>
<u>Phương tiện vận tải</u>	<u>16,6</u>
<u>Máy tính</u>	<u>25</u>
<u>Các thiết bị khác</u>	<u>20-25</u>

Chi phí sửa chữa và bảo dưỡng được tính vào chi phí trong năm khi phát sinh và các chi phí sửa chữa lớn được ghi tăng giá trị tài sản.

Tài sản cố định vô hình

Chi phí phần mềm ứng dụng máy tính được ghi nhận là tài sản cố định với mức khấu hao đường thẳng là 20% tính từ thời điểm đưa vào sử dụng.

BẢNG TỔNG KẾT TÀI SẢN

(Tại ngày 31/12/2003 - Được lập theo tiêu chuẩn kế toán Việt nam)

Đơn vị: Triệu đồng

	2003	2002
A. TÀI SẢN		
I. Tiền mặt và kim loại quý	1.908.567	1.228.658
II. Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	7.558.906	5.770.710
III. Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng trong nước & nước ngoài	2.895.374	4.076.503
IV. Cho vay và tạm ứng cho các tổ chức tín dụng khác	123.806	3.998.170
V. Cho vay và tạm ứng cho khách hàng	114.099.673	76.394.739
VI. Các khoản đầu tư	7.052.319	3.349.132
Đầu tư vào chứng khoán	6.962.923	3.265.166
Góp vốn liên doanh, mua cổ phần	89.396	83.966
VII. Tài sản cố định	1.712.597	1.308.457
VIII. Các tài sản khác	1.394.946	1.107.627
Các khoản trả trước và phải thu khác	817.527	620.709
Lãi dự thu	499.773	425.767
Tài sản khác	77.646	61.151
Tổng cộng tài sản	136.746.188	97.233.996
B. NGUỒN VỐN		
I. Tiền gửi của kho bạc nhà nước và các tổ chức tín dụng khác	27.471.397	18.974.654
Tiền gửi của kho bạc nhà nước	13.912.451	13.884.090
Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác	13.558.946	5.090.564
II. Vay ngân hàng Nhà nước và các tổ chức tín dụng khác	3.816.027	6.352.075
Vay ngân hàng nhà nước	3.526.690	5.641.749
Vay các tổ chức tín dụng trong nước	289.337	576.314
Nhận vốn cho vay đồng tài trợ	-	134.012
III. Tiền gửi của các tổ chức kinh tế, dân cư	71.472.874	42.305.656
IV. Các nguồn vốn vay khác	16.859.307	7.863.126
V. Phát hành kỳ phiếu	6.746.407	14.939.484
VI. Tài sản nợ khác	3.187.585	1.819.000
Các khoản phải trả	2.235.089	1.282.453
Các khoản lãi cộng dồn dự chi	952.496	536.547
VII. Vốn và các quỹ	7.192.591	4.980.001
Vốn điều lệ	5.606.976	4.016.409
Các quỹ	1.585.615	963.592
Tổng cộng nguồn vốn	136.746.188	97.233.996

Đơn vị: Triệu đồng

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2003

Chỉ tiêu	2003	2002
1. Các cam kết và công nợ tiềm tàng	7.841.988	3.121.998
2. Các cam kết giao dịch hồi đoái	489.452	561.538
3. Cam kết tài trợ cho khách hàng	-	-
4. Tài sản dùng để cho thuê tài chính đang quản lý tại ngân hàng	712	1.191
5. Tài sản dùng để cho thuê tài chính đang giao cho khách hàng thuê	2.902.006	1.658.460

Đơn vị: Triệu đồng

BÁO CÁO LỖ LÃI

Năm kết thúc ngày 31/12/2003 - Được lập theo tiêu chuẩn kế toán Việt nam

	2003	2002
I. Thu lãi và các khoản thu nhập có tính chất lãi		
Thu lãi cho vay	8.777.795	6.020.525
Thu lãi tiền gửi	182.188	89.824
Thu lãi góp vốn	3.356	4.184
Thu từ nghiệp vụ cho thuê tài chính	131.788	73.668
Thu khác về hoạt động tín dụng	3.116	18.362
Tổng thu tiền lãi và các khoản thu nhập có tính chất lãi	9.098.243	6.206.563
II. Chi trả lãi		
Chi trả lãi tiền gửi	(3.740.700)	(1.894.228)
Chi trả lãi tiền đi vay	(624.386)	(535.745)
Chi trả lãi phát hành giấy tờ có giá	(767.417)	(799.783)
Tổng chi trả lãi	(5.132.503)	(3.229.756)
III. Thu nhập lãi, ròng	3.965.740	2.976.807
IV. Thu khác	945.545	661.315
V. Chi khác	(2.517.808)	(1.925.303)
VI. Chi phí ngoài lãi, ròng	(1.572.263)	(1.263.988)
Dự phòng rủi ro tín dụng	(1.273.615)	(1.021.379)
Thu nhập trước thuế	1.119.862	691.440
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(420.813)	(224.746)
Thu nhập sau thuế	699.049	466.694

Đơn vị: Triệu đồng

BẢNG TỔNG KẾT TÀI SẢN

Đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán quốc tế Price Water House Coopers
theo chuẩn mực kiểm toán quốc tế cho niên độ kết thúc ngày 31/12/2003.

Tiêu Chí	2003	2002
TÀI SẢN		
Tiền mặt và ngân phiếu	1.825.862	1.215.731
Kim loại quý	82.705	12.927
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	7.558.906	5.770.710
Chứng khoán Chính phủ	6.962.923	3.265.166
Tiền gửi, cho vay và ứng trước cho các NH khác	3.019.180	8.074.673
Cho vay và ứng trước cho khách hàng	99.205.174	70.278.272
Các tài sản khác	2.329.160	1.594.126
Các khoản đầu tư	81.701	76.217
Tài sản cố định hữu hình	1.683.519	1.277.286
Tài sản cố định vô hình	7.461	9.554
Tổng tài sản	122.756.591	91.574.716
CÔNG NỢ, VỐN VÀ CÁC QUỸ		
Tiền gửi và tiền vay từ Ngân hàng Nhà nước và kho bạc Nhà nước	17.439.141	19.525.839
Tiền gửi và tiền vay từ các Ngân hàng khác	13.848.283	5.681.033
Tiền gửi của khách hàng	71.912.683	42.838.237
Kỳ phiếu	6.576.246	14.562.211
Các nguồn vốn vay khác	10.200.503	7.863.126
Các khoản công nợ khác	2.158.522	1.092.941
Dự phòng cam kết và công nợ tiềm tàng	378.077	259.229
Ánh hưởng thuế kỳ sau	117.001	122.295
Tổng công nợ	122.630.456	91.944.911
VỐN VÀ CÁC QUỸ		
Vốn điều lệ	5.423.660	3.844.915
Các quỹ	(5.297.525)	(4.215.110)
Tổng vốn và các quỹ	126.135	(370.195)
Tổng công nợ, vốn và các quỹ	122.756.591	91.574.716
Các cam kết và công nợ tiềm tàng	7.841.988	3.121.998

Đơn vị: Triệu đồng

BÁO CÁO LỖ LÃI

Báo cáo đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán quốc tế Price Water House Coopers theo chuẩn mực kiểm toán quốc tế cho niên độ kết thúc ngày 31/12/2002.

Tiêu Chí	2003	2002
Thu lãi	9.146.723	6.412.871
Trả lãi	(5.132.503)	(3.447.649)
Thu nhập ròng từ lãi	4.014.220	2.935.222
Thu cổ tức	3.356	4.184
Thu phí và hoa hồng	252.123	338.301
Lãi ròng từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ	45.989	14.420
Thu nhập khác	494.666	270.017
Tổng thu nhập	4.810.354	3.562.144
Chi phí hoạt động	(2.624.147)	(1.953.020)
Các khoản thuế ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp	(13.194)	(10.126)
Lãi ròng từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	2.173.013	1.598.998
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(2.753.844)	(2.730.853)
Chi phí dự phòng rủi ro cho các khoản cam kết và bảo lãnh	(118.848)	(62.116)
Lỗ trước thuế	(699.679)	(1.193.971)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(413.351)	(255.708)
Lỗ ròng trong năm	(1.113.030)	(1.449.679)

Đơn vị: Triệu đồng

BÁO CÁO LUU CHUYỂN TIỀN TỆ

Báo cáo đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán quốc tế Price Water House Coopers theo chuẩn mực kiểm toán quốc tế cho niên độ kết thúc ngày 31/12/2002.

Tiêu Chí	2003	2002
Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động kinh doanh		
Thu lãi và hoa hồng	8.972.822	6.436.382
Cổ tức nhận được	3.356	4.184
Lãi ròng từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ	38.854	2.720
Các khoản thu khác	494.666	250.390
Chi lãi	(4.686.105)	(3.481.686)
Chi trả cho CBNV và các nhà cung cấp	(2.403.083)	(1.808.758)
Nộp thuế	(262.269)	(249.620)
<i>Lãi từ hoạt động kinh doanh trước các thay đổi về tài sản kinh doanh</i>	<i>2.158.241</i>	<i>1.153.612</i>
Tăng/giảm tài sản kinh doanh		
Kim loại quý	(69.778)	1.657
Dự trữ bắt buộc tại Ngân hàng Nhà nước	(202.740)	(202.080)
Tiền gửi có kỳ hạn tại, cho vay và ứng trước cho các ngân hàng khác	2.892.364	(686.865)
Cho vay và ứng trước ròng cho khách hàng	(33.383.773)	(21.340.245)
<i>Tăng thuần về tài sản khác</i>	<i>(187.346)</i>	<i>(408.921)</i>
Tăng/giảm công nợ trong hoạt động kinh doanh		
Tiền gửi và vay ngắn hạn từ các ngân hàng khác	8.083.695	1.003.088
Tiền gửi của khách hàng	28.921.557	14.904.162
Ký phiếu	(7.924.762)	5.045.230
Tiền gửi và vay ngắn hạn từ Ngân hàng Nhà nước	28.361	1.992.469
Giảm/tăng công nợ khác	358.353	(131.805)
<i>Lưu chuyển tiền ròng từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>674.172</i>	<i>1.330.282</i>
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
Tiền của các công ty được sát nhập	69.887	18.057
Mua trái phiếu Kho bạc Nhà nước	(14.607.155)	(2.931.672)
Thu hồi vốn đầu tư vào trái phiếu Kho bạc	12.284.939	2.509.180
Mua tài sản cố định	(659.882)	(359.434)
Thanh lý tài sản cố định	2.546	13.510
Tăng/giảm về các khoản đầu tư	(5.430)	-
<i>Lưu chuyển tiền ròng từ hoạt động đầu tư</i>	<i>(2.915.095)</i>	<i>(750.359)</i>
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
Giảm vốn pháp định	(2.108)	
Rút vốn vay dài hạn từ Ngân hàng Nhà nước	-	887.691
Hoàn trả vay dài hạn từ Ngân hàng Nhà nước	(128.655)	(14.217)
Rút vốn vay dài hạn từ các Ngân hàng khác	-	84.155
Hoàn trả vay dài hạn từ các nguồn khác	(106.963)	(64.987)
Rút vốn vay từ các nguồn khác	19.227.634	4.811.207
Hoàn trả vay từ các nguồn khác	(16.941.203)	(3.360.200)
<i>Lưu chuyển tiền ròng từ hoạt động tài chính</i>	<i>2.048.705</i>	<i>2.343.649</i>
Tăng/giảm ròng về tiền và các khoản tương đương tiền		
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	9.666.306	6.722.735
Ảnh hưởng từ biến động tỷ giá	34.245	19.999
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</i>	<i>9.508.333</i>	<i>9.666.306</i>

Đơn vị: Triệu đồng

Giải thích các báo cáo tài chính

Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước (SBV)

Tiêu chí	2003	2002
Dữ trữ bắt buộc	1.126.560	916.320
Tiền gửi không kỳ hạn tại SBV	6.432.346	4.854.390
Tổng cộng	7.558.906	5.770.710

Đơn vị: Triệu đồng

Trái phiếu kho bạc

Tiêu chí	2003	2002
Kỳ phiếu		
Dưới 01 năm	3.092.028	1.643.107
Trái phiếu		
2 năm	11.500	18.500
5 năm	959.395	103.559
Trái phiếu Kho bạc đặc biệt	2.900.000	1.500.000
Tổng cộng	6.962.923	3.265.166

Đơn vị: Triệu đồng

Tiền gửi, cho vay và ứng trước cho các ngân hàng khác

31/12/2003

Tiêu chí	VND	Ngoại tệ	Tổng cộng
Tiền gửi không kỳ hạn	133.540	1.178.461	1.312.001
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 1 năm	1.120.000	463.373	1.583.373
Cho vay dưới 1 năm	100.440	-	100.440
Cho vay trung và dài hạn	23.366	-	23.366
Tổng cộng	1.377.346	1.641.834	3.019.180

31/12/2002

Tiêu chí	VND	Ngoại tệ	Tổng cộng
Tiền gửi không kỳ hạn	46.312	769.253	815.565
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 1 năm	543.853	2.716.938	3.260.791
Cho vay dưới 1 năm	3.983.604	8.571	3.992.175
Cho vay trung và dài hạn	4.793	1.202	5.995
Tổng cộng	4.578.562	3.495.964	8.074.526

Đơn vị: Triệu đồng

Cho vay và ứng trước cho khách hàng

A. PHÂN LOẠI THEO NHÓM KHÁCH HÀNG

31/12/2003

Nhóm khách hàng	Ngắn hạn	Trung & dài hạn	Tổng cộng
Nông dân và hộ kinh doanh cá thể	12.867.512	26.918.149	39.785.661
Doanh nghiệp Nhà nước	8.771.603	13.021.877	21.793.480
DN tư nhân và hợp tác xã	8.387.384	10.653.822	19.041.206
Các đối tượng khác	13.158.051	5.675.133	18.833.184
Cho vay bằng vốn ủy thác đầu tư	4.654.512	906.140	5.560.652
Tổng	47.839.062	57.175.121	105.014.183

Các khoản nợ chờ xử lý	1.172.700
Nợ khoanh	711.623
Dự phòng rủi ro tín dụng	(7.693.332)
Tổng cộng	99.205.174

31/12/2002

Nhóm khách hàng	Ngắn hạn	Trung & dài hạn	Tổng cộng
Nông dân và hộ kinh doanh cá thể	18.757.282	9.220.039	27.977.321
Doanh nghiệp Nhà nước	10.398.643	7.190.969	17.589.612
DN tư nhân và hợp tác xã	5.594.619	3.006.157	8.600.776
Các đối tượng khác	4.111.988	9.969.072	14.081.060
Cho vay bằng vốn ủy thác đầu tư	855.811	3.601.709	4.457.520
Tổng	39.718.343	32.987.946	72.706.289

Các khoản nợ chờ xử lý	1.130.470
Nợ khoanh	2.553.783
Dự phòng rủi ro tín dụng	(6.371.499)
Tổng cộng	70.019.043

Đơn vị: Triệu đồng

B. PHÂN LOẠI THEO MỤC ĐÍCH CHO VAY

Mục đích	2003	2002
Cho vay thương mại:		
Cho vay thương mại thông thường	86.822.695	56.557.161
Cho vay ưu đãi	6.447.963	4.978.154
Cho vay theo kế hoạch Nhà nước	4.784.911	4.749.064
Cho vay theo chỉ định của Chính phủ	1.397.962	1.964.390
Cho vay từ nguồn vốn ODA	5.560.652	4.457.520
Các khoản nợ chờ xử lý	1.172.700	1.130.470
Nợ khoanh	711.623	2.553.783
Tổng dư nợ cho vay khách hàng ròng	106.898.506	76.390.542
Dự phòng rủi ro tín dụng	(7.693.332)	(6.371.499)
Tổng dư nợ cho vay khách hàng ròng	99.205.174	70.019.043

C. DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG

Tiêu chí	2003	2002
Số dư đầu năm	6.112.270	4.354.861
Chuyển vào báo cáo kết quả kinh doanh	2.753.844	2.792.969
Xoá nợ xấu bằng quỹ dự phòng rủi ro tín dụng	(1.172.782)	(776.331)
Số dư cuối năm (31/12)	7.693.332	6.371.499

Đơn vị: Triệu đồng

Các tài sản khác

Tiêu chí	2003	2002
Các khoản phải thu khác	9.466	5.594
Các khoản trả trước	35.322	26.061
Cho thuê tài chính trung hạn	1.539.995	959.225
Các tài sản lưu động khác ¹	244.604	177.479
Lãi dự thu ²	499.773	425.767
Tổng cộng	2.329.160	1.594.126

Đơn vị: Triệu đồng

¹ Các tài sản lưu động khác chủ yếu là các khoản cho nhân viên vay.

Thông thường các khoản này không chịu lãi và có kỳ hạn tối đa là 5 năm.

² Khoản lãi dự thu chủ yếu là các khoản lãi tạm tính đối với các khoản cho các ngân hàng khác vay.

Các khoản đầu tư

Tên đơn vị	Lĩnh vực hoạt động	Tỷ lệ góp vốn	Giá trị vốn góp 2003	Giá trị vốn góp 2002
Ngân hàng liên doanh VinaSiam	Ngân hàng	34%	56.361	56.361
Nông trường quốc doanh 1A	Trồng trọt	80%	402	402
Công ty Mía đường Lam sơn, Thanh hóa	Sản xuất	3%	6.200	6.200
Các Tổ chức tài chính tín dụng khác	Xây dựng Ngân hàng & sản xuất	<20% tại mỗi tổ chức	17.258	13.455
Các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán	Các ngành khác		1.647	-
Tổng cộng			81.868	76.418

Đơn vị: Triệu đồng

Tài sản cố định

A. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà, đất	Xây dựng dở dang	Phương tiện vận tải	Máy tính, trang thiết bị	Tổng cộng
Nguyên giá tài sản cố định					
1/1/2003	780.716	208.930	345.379	572.155	1.907.180
Tăng do mua sắm	16.507	304.207	23.973	314.608	659.295
Chuyển sang nguyên giá của nhà	123.021	(123.021)	-	-	-
Tăng khác	51.313	-	11.942	13.673	76.928
Thanh lý	(7.542)	(77.806)	(9.708)	(39.254)	(134.310)
31/12/2003	964.015	312.310	371.586	861.182	2.509.093
Khấu hao lũy kế					
1/1/2003	232.145	-	169.047	228.702	629.894
Tăng trong năm	48.168	-	42.627	117.177	207.972
Tăng khác (*)	15.031	-	10.165	9.350	34.546
Khấu hao lũy kế của tài sản thanh lý	(4.098)	-	(7.310)	(35.430)	(46.838)
31/12/2003	291.246	-	214.529	319.799	825.574
Trị giá còn lại					
31/12/2003	672.769	312.310	157.057	541.383	1.683.519
31/12/2002	548.571	208.930	176.332	343.453	1.277.286
<i>Đơn vị: Triệu đồng</i>					

B. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	2003	2002
<i>Tại ngày 1 tháng 1</i>		
	9.554	8.876
Tăng do mua sắm trong năm	587	3.327
Khấu hao trong năm	(2.680)	(2.649)
<i>Tại ngày 31 tháng 12</i>		
	7.461	9.554
<i>Đơn vị: Triệu đồng</i>		

Tiền gửi và tiền vay từ Ngân hàng Nhà nước và Kho bạc Nhà nước

31/12/2003

Tiêu chí	VND	Ngoại tệ	Tổng cộng
Vay ngắn hạn thông thường	-	-	-
Vay trung và dài hạn để cho vay lại theo chỉ định của Chính phủ.	950.071	-	950.071
Nguồn tài trợ cho nợ khoanh	2.565.899	10.720	2.576.619
Tiền gửi của Kho bạc Nhà nước	13.912.149	302	13.912.451
Tổng cộng	17.428.119	11.022	17.439.141

31/12/2002

Tiêu chí	VND	Ngoại tệ	Tổng cộng
Vay ngắn hạn thông thường	500.000	-	500.000
Vay trung và dài hạn để cho vay lại theo chỉ định của Chính phủ.	1.178.570	-	1.178.570
Nguồn tài trợ cho nợ khoanh	3.870.459	92.720	3.963.179
Tiền gửi của Kho bạc Nhà nước	13.883.793	297	13.884.090
Tổng cộng	19.432.822	93.017	19.525.839

Đơn vị: Triệu đồng

Tiền gửi và tiền vay từ các ngân hàng khác

31/12/2003

Tiêu chí	VND	Ngoại tệ	Tổng cộng
Tiền gửi không kỳ hạn	652.113	11.136	663.249
Tiền gửi có kỳ hạn	10.818.058	2.077.639	12.895.697
Vay ngắn hạn	170.879	118.458	289.337
Vay trung và dài hạn	-	-	-
Tổng cộng	11.641.050	2.207.233	13.848.283

31/12/2002

Tiêu chí	VND	Ngoại tệ	Tổng cộng
Tiền gửi không kỳ hạn	457.381	16.403	473.784
Tiền gửi có kỳ hạn	4.010.854	605.926	4.616.780
Vay ngắn hạn	386.500	82.849	469.349
Vay trung và dài hạn	78.020	43.100	121.120
Tổng cộng	4.932.755	748.278	5.681.033

Đơn vị: Triệu đồng

Tiền gửi của khách hàng

31/12/2003

Tiêu chí	VND	Ngoại tệ	Tổng cộng
Tiền gửi không kỳ hạn	14.613.232	1.809.280	16.422.512
Tiền gửi có kỳ hạn	48.814.707	5.782.387	54.597.094
Tiền gửi có kỳ hạn bằng vàng	-	91.188	91.188
Tiền ký quỹ	530.691	271.198	801.889
Tổng cộng	63.958.630	7.954.053	71.912.683

31/12/2002

Tiêu chí	Bảng VNĐ	Ngoại tệ	Tổng cộng
Tiền gửi không kỳ hạn	13.850.168	839.108	14.689.276
Tiền gửi có kỳ hạn	21.197.846	5.426.988	26.624.834
Tiền gửi có kỳ hạn bằng vàng	94.554	-	94.554
Tiền ký quỹ	1.190.855	238.718	1.429.573
Tổng cộng	36.333.423	6.504.814	42.838.237

Đơn vị: Triệu đồng

Kỳ phiếu

31/12/2003

Tiêu chí	VND	Ngoại tệ	Tổng cộng
Kỳ hạn dưới một năm	3.058.328	78.483	3.136.811
Kỳ hạn trên một năm	3.205.706	233.729	3.439.435
Tổng cộng	6.264.034	312.212	6.576.246

31/12/2002

Tiêu chí	VND	Ngoại tệ	Tổng cộng
Kỳ hạn dưới một năm	13.025.997	11.700	13.037.697
Kỳ hạn trên một năm	1.285.693	238.821	1.524.514
Tổng cộng	14.311.690	250.521	14.562.211

Đơn vị: Triệu đồng

Các nguồn vốn vay khác

Nguồn	2003	2002
Vay bằng VND		
Ngân hàng Thế giới (WB)	1.740.733	1.287.826
Hiệp hội Phát triển quốc tế và cơ quan Phát triển Pháp	475.435	461.414
Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB)	806.047	634.819
Kreditanstalt fur Wiederaufbau	217.955	158.034
Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội (MOLISA)	6.709	9.900
Cơ quan Phát triển Pháp (AFD)	807.141	408.209
Cộng đồng Châu Âu (EU)	11.543	19.470
Quỹ quốc tế cho phát triển nông nghiệp (IFAD)	41.344	34.848
Cơ quan Phát triển quốc tế Đan mạch (DANIDA)	23.493	27.052
Bảo hiểm Xã hội Việt nam	4.900.000	3.750.000
Ngân hàng Chính sách xã hội	65.837	-
Các tổ chức phi tín dụng	45.831	62.100
Các nguồn khác	-	21.667
Tổng cộng vay bằng VND	9.142.068	6.875.339
Vay bằng ngoại tệ		
Ngân hàng Thế giới (WB)	155.080	85.432
Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB)	223.055	183.076
Cơ quan Phát triển Pháp (AFD)	664.655	703.878
Các tổ chức phi tín dụng	15.645	15.401
Tổng cộng vay bằng ngoại tệ	1.058.435	987.787
Tổng cộng	10.200.503	7.863.126

Đơn vị: Triệu đồng

Các khoản công nợ khác

	2003	2002
Chênh lệch liên hàng phải trả	4.561	2.282
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả	241.739	85.363
Phải trả về xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản	-	27.338
Phải trả cán bộ nhân viên	72.049	72.523
Thuế vốn phải nộp	-	-
Thu từ nợ đã xóa phải hoàn trả	105.640	101.723
Lãi phải trả các dự án UTDT và lãi kỳ phiếu	-	-
Trích lãi phải trả	952.496	536.547
Các khoản công nợ khác	782.037	267.165
Tổng cộng	2.158.522	1.092.941

Đơn vị: Triệu đồng

Ảnh hưởng thuế đến kỳ sau

	2003	2002
Chi phí trả lãi trước	51.011	86.916
Lãi dự chi	(6.419)	(6.191)
Lãi dự thu	15.743	11.212
Lãi thu trước	(6.806)	(13.405)
Lãi/lỗ do đánh giá lại các khoản mục ngoại tệ	(716)	(649)
Quỹ dự phòng tiền lương	72.001	48.508
Khấu hao TSCĐ	(10.668)	(6.942)
Các khoản trích trước và trả trước	(1.432)	(1.348)
Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư	4.287	4.194
Tổng cộng	117.001	122.295

Đơn vị: Triệu đồng

Vốn điều lệ

	2003	2002
Vốn điều lệ	1.747.000	1.747.000
Tăng vốn từ việc Chính phủ phát hành trái phiếu đặc biệt	2.900.000	1.500.000
Vốn góp từ nguồn tài trợ nhận được từ WB trong khuôn khổ Dự án Phục hồi Nông nghiệp.	308.829	308.829
Vốn góp từ nguồn tài trợ nhận được từ Kreditanstalt fur Wiederaufbau trong khuôn khổ Dự án Tín dụng Nông thôn	79.366	79.366
Trích bổ sung vốn điều lệ từ lợi nhuận để lại theo hệ thống kế toán Việt nam	152.817	152.817
Sáp nhập Tổng Công ty Vàng bạc Đá quý Việt Nam	180.853	-
Sáp nhập Công ty Thương mại và Du lịch Nông nghiệp	1.318	1.318
Sáp nhập Công ty Đầu tư TM và Dịch vụ ngân hàng	55.585	55.585
Hoàn trả một phần vốn pháp định cho các công ty Đầu tư TM và Dịch vụ ngân hàng	(2.108)	-
Số dư vào 31/12	5.423.660	3.844.915

Đơn vị: Triệu đồng

Các cam kết và công nợ tiềm tàng

	2003	2002
Thư tín dụng trả ngay	4.522.158	1.806.195
Thư tín dụng trả chậm	1.396.277	52.117
Bảo lãnh vay vốn nước ngoài	79.309	402.892
Bảo lãnh trong nước	1.844.244	860.794
Dự phòng rủi ro các cam kết và bảo lãnh	(378.077)	(259.229)
Tổng cộng	7.463.911	2.862.769

Đơn vị: Triệu đồng

Tăng giảm tiền mặt và các khoản tương đương tiền

	2003	2002
Tiền mặt và ngân phiếu	1.825.862	1.215.644
Tài khoản vãng lai tại các ngân hàng khác	6.432.346	4.846.890
Tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng Nhà nước	1.312.001	815.565
Tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng khác	601.373	3.260.938
Tiền gửi có kỳ hạn của các ngân hàng khác	(663.249)	(472.731)
Tổng cộng	9.508.333	9.666.306

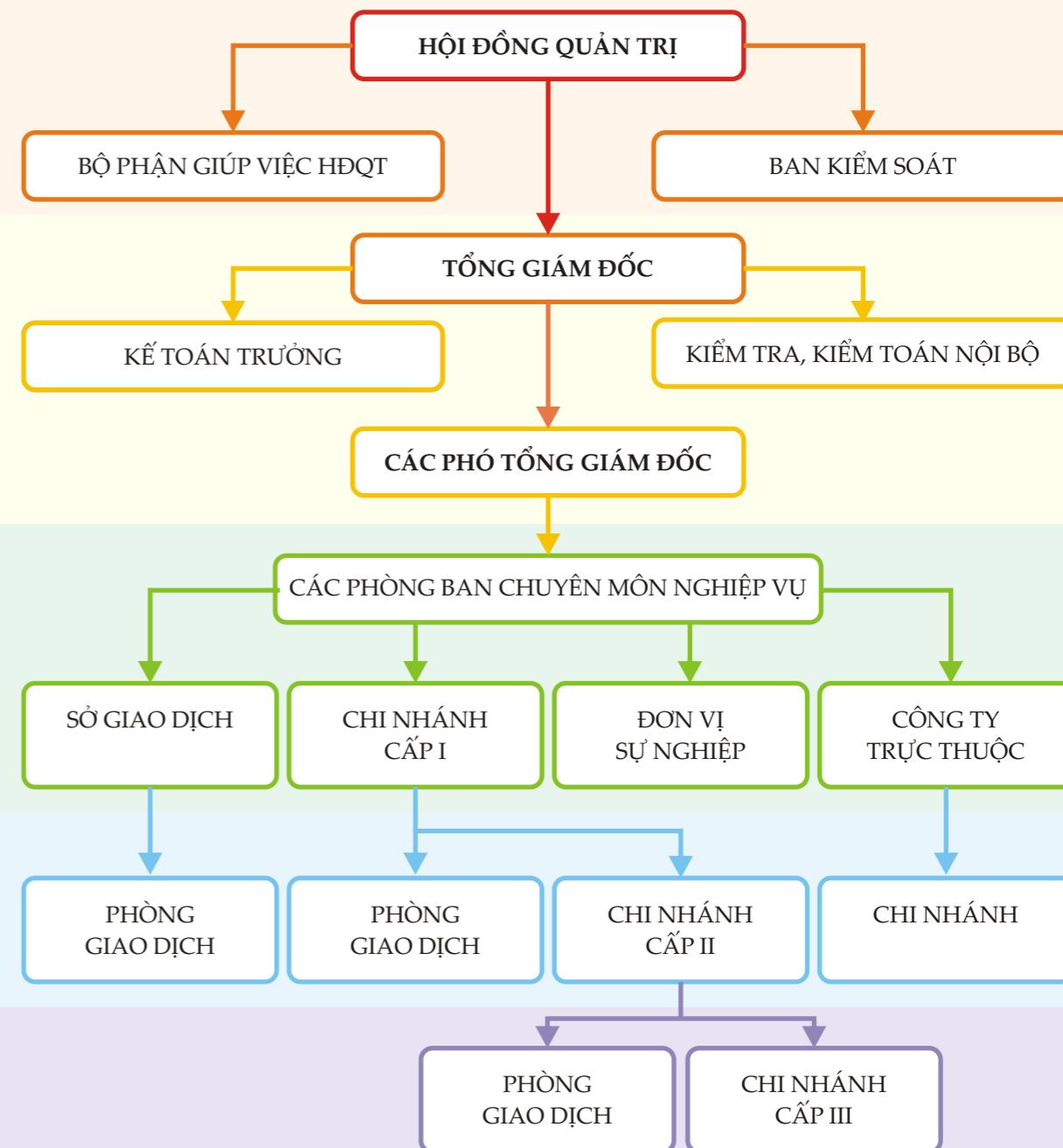
Đơn vị: Triệu đồng

Quan hệ ngân hàng đại lý qua các năm từ 1996-2003

NHNN&PTNT VN luôn chú trọng công tác mở rộng quan hệ ngân hàng đại lý nhằm đáp ứng yêu cầu thanh toán xuất nhập khẩu của khách hàng. Năm 1996, số lượng các ngân hàng đại lý mới chỉ dừng lại ở con số 485 ngân hàng, đến năm 2000 đã lên tới 657 ngân hàng và đến nay là 888 ngân hàng tại hơn 108 nước trên thế giới.

Năm	1996	1997	1998	1999	2000	2001	2002	2003
Số lượng	485	500	519	600	657	702	784	888

Mô hình tổ chức của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam



Danh sách các phòng ban chức năng tại Trụ sở chính

1. Ban Kiểm tra Kiểm toán Nội bộ
2. Ban Thu ký - Pháp chế
3. Ban Nghiên cứu Chiến lược Kinh doanh
4. Ban Nguồn vốn và Kế hoạch Tổng hợp
5. Ban Tín dụng
6. Ban Quản lý Dự án Uỷ thác Đầu tư
7. Ban Quan hệ Quốc tế

8. Ban Quản lý Doanh nghiệp Nội ngành

9. Ban Tiếp dân và Giải quyết Đơn thư

10. Ban Tài chính Kế toán Ngân quỹ

11. Ban Quản lý Tài sản

12. Ban Quản lý Xây dựng Trụ sở chính

13. Ban Xây dựng Cơ bản

14. Ban Tổ chức Cán bộ

15. Ban Lao động Tiền lương

16. Ban Thi đua

17. Ban Tiếp thị và Thông tin Tuyên truyền

18. Phòng Tài vụ

19. Công đoàn NHNo&PTNT VN

20. Công đoàn Trụ sở chính

21. Đảng uỷ NHNo&PTNT VN Trung ương

22. Phòng Truyền thông

23. Ban thẩm định

24. Văn phòng Trụ sở chính

25. Sở Quản lý Kinh doanh vốn và Ngoại tệ

Màng lưới hoạt động trong nước

Ngân hàng

Trụ sở chính: Số 2, Láng Hạ, Ba Đình, Hà nội

Tel: (84) 4 8. 313 710

Fax: (84) 4 8. 313 717

VPĐD khu vực Miền nam:

7 Bis, Bến Chương Dương, T.P Hồ Chí Minh.

Tel: (84) 8 8 210 565; Fax: (84) 8 8 292 213

VPĐD khu vực Miền trung:

20 Yên Báu, Quận Hải Châu, T.P Đà Nẵng

Tel: (84) 0511 8 92087; Fax: (84) 0511 8 18329

Sở giao dịch và các chi nhánh

Sở giao dịch:

Số 2, Láng Hạ, Ba Đình, Hà nội

Tel: (84) 4 8. 313 729

Fax: (84) 4 8. 313 850

Telex: 411-322 VBAVT

SWIFT: VBAAVNVX

1728 chi nhánh

Liên doanh

Ngân hàng Liên doanh VINASIAM

Công ty Trực thuộc

Công ty Cho thuê Tài chính I

Công ty Cho thuê Tài chính II

Công ty Chứng khoán

Công ty Mua bán nợ và Khai thác Tài sản

Công ty Mỹ nghệ Vàng bạc Đá quý Hà Nội

Công ty Mỹ nghệ Vàng bạc Đá quý TP. Hồ Chí Minh

Công ty Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Ngân hàng

Công ty Du lịch Thương mại NHNo&PTNT VN

Đơn vị sự nghiệp

Trung tâm Đào tạo

Trung tâm Công nghệ Thông tin

Trung tâm Thẻ

Trung tâm Thanh toán

Đơn vị góp vốn

Ngân hàng TMCP Quốc tế

Ngân hàng TMCP Nông thôn Cò đỏ

Ngân hàng TMCP Rạch kiến Long An

Quỹ Tín dụng Nhân dân

CTCP Mía đường Lam sơn

Công ty Chế biến Thực ăn Gia súc

Màng lưới hoạt động trong nước

Tên Đơn Vị	Địa chỉ	Giám đốc	Điện thoại
I. TRỤ SỞ CHÍNH	Số 2 Láng Hạ, Q. Ba Đình, Hà Nội		(84 4) 8313 710
II. SỞ GIAO DỊCH	Số 2 Láng Hạ, Q. Ba Đình, Hà Nội	Nguyễn Tiến Đông	(84 4) 8313 790
III. VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN			
VPDD Miền Nam	7 Bis, Bến Chương Dương, T.P HCM.	Vũ Minh Tân	(84 8) 8210 565
VPDD Miền Trung	20 Yên Bái, Q. Hải Châu, T.P Đà Nẵng	Nguyễn Văn Lê	(84 0511) 892 087
IV. CÁC TRUNG TÂM			
Trung Tâm CNTT	C3, Phường Liệt, Q. Thanh Xuân, Hà Nội	Phạm Xuân Hùng	(84 4) 8687 386
Trung Tâm ĐT	C3, Phường Liệt, Q. Thanh Xuân, Hà Nội	Tạ Phú Triển	(84 4) 8687 327
Trung tâm thẻ	C3, Phường Liệt, Q. Thanh Xuân, Hà Nội	Nguyễn Minh Phương	(84 4) 8687 847
Trung tâm thanh toán	C3, Phường Liệt, Q. Thanh Xuân, Hà Nội	Dương Bích Nga	(84 4) 8687 366
V. CÁC CÔNG TY TRỰC THUỘC			
C. ty Tài chính I	141 Lê Duẩn, Hoàn Kiếm, Hà Nội	Nguyễn Văn Nghiệp	(84 4) 5727 826
C. ty Tài chính II	290 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, TP. HCM	Vũ Quốc Hào	(84 8) 8435 801
Cty Chứng khoán	C3, Phường Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội	Hà Huy Toàn	(84 4) 8687 278
Cty đầu tư Thương mại & Dịch vụ NH	S6 10 Chủ Bôc, Đống Đa, Hà Nội	Phạm Ngọc Ngoan	(84 4) 8687 447
Cty Mua Bán Nợ	4 Phạm Ngọc Thạch, Đống Đa, Hà Nội	Tống Công Hải	(84 4) 5743 180
Cty VBDQ I	4 Phạm Ngọc Thạch, Đống Đa, Hà Nội	Nguyễn Thanh Trúc	(84 4) 5743 292
Cty VBDQ TP HCM	2 Hồ Tùng Mậu	Nguyễn Minh Trí	
Cty Du lịch TM NHNo&PTNT VN	57-59 Thủ Đức, P.2, Bãi Sau, T.P Vũng Tàu	Bùi Ngọc Diệp	(84 64) 859 244
VI. NGÂN HÀNG LIÊN DOANH			
Vina Siam Bank	2 Phó Đức Chính, Q. 1, T.P HCM	Võ Hồng	(84 8) 8210 536
VII. NGÂN HÀNG CHUYÊN DOANH			
Ngân hàng Đầu Tầm Tỏ	2 Lý Tự Trọng, Bảo lộc, Lâm đồng	Trần Quốc Loan	(84 063) 864 011
VIII. CÁC CHI NHÁNH TRỰC THUỘC TRỤ SỞ CHÍNH			
50 BCD TP. HCM	50 BCD, Q. 1 - T.P HCM	Nguyễn Xuân Cảnh	(84 8) 8214 224
Bình Tân	494 Hùng Vương, Thị trấn An Lạc	Trần Văn Hai	(84 8) 8754 541
Bình Thạnh	25 Định Bộ Lĩnh, phường 24	Lữ Sỹ Hành	(84 8) 5113 298
Bắc Hà Nội	217 Đội Cấn, Ba đình, Hà Nội	Trịnh Ngọc Khanh	(84 4) 7627 635
Cần Giờ	Giồng Ao, Cần Thơ, Cần Giờ, T.P HCM	Lê Đình Xán	(84 8) 8740 164
Chợ lớn Sài gòn	24 Phú Giáo, F 14, Q. 5 T.P HCM	Trần Văn Tuyến	(84 8) 8578 225
Củ Chi	8, Khu phố 2, Củ Chi, T.P. HCM	Phạm Thị Thật	(84 8) 8920 580
Đông Sài gòn	09 Đường Trần Não, Q. 2, T.P HCM	Nguyễn Văn Bình	(84 8) 7415 171
Đông Anh	Khối 1, Thị trấn Đông Anh, Hà Nội	Trịnh Xuân Đông	(84 4) 8832 226
Gia Lâm	Thị trấn Trâu quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	Trần Văn Hân	(84 4) 8276 901
Học Môn TPHCM	12 Lý Thường Kiệt, Hóc Môn, T.P HCM	Lưu Xuân Cường	(84 8) 8910 488
Láng Hạ	24 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	Nguyễn Xuân Đồng	(84 4) 7761 452
Mạc Thị Bưởi	28-30 Mạc Thị Bưởi, T.P HCM	Phạm Thị Mai Toan	(84 8) 8236 739
Nam Hà Nội	C3 Phường Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội	Nguyễn Văn Dương	(84 4) 8687 100
Nam Sài Gòn	18 Bis, Cư xá Ngân hàng F, Tân Thuận Tây	Trịnh Duy Hán	(84 8) 8723 627
Nhà Bè	18 Huỳnh Tấn Phát, Nhà Bè, T.P HCM	Nguyễn Đình Hiền	(84 8) 7827 363
Quang Trung, Sài gòn	31A/30 Quốc lộ 1A, Q. 12, T.P. HCM	Trần Ngọc Tôn	(84 8) 8919 299
Quận 10 Sài gòn	326 Nguyễn Chí Thanh, Q. 10, TP. CHM	Đỗ Trung Thành	(84 8) 9534 338
Quận 9 Sài gòn	201 Lê Văn Việt, Q. 9, T.P HCM	Nguyễn Thiện Quân	(84 8) 8972 898
Sóc Son	Thị trấn Sóc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	Nguyễn Thị Thu	(84 4) 8840 004
Sầm Sơn	T.X Sầm Sơn, Thanh Hoá	Lê Minh Đức	(84 37) 8231 317
Thăng Long	4 Phạm Ngọc Thạch, Đống Đa, Hà Nội	Nguyễn Đức Hường	(84 4) 574332
Thanh Trì	Thị trấn Văn Điển, Thanh Trì, Hà Nội	Bùi Thiên Nhiên	(84 4) 8618 506
Thủ Đức	2 Võ Văn Ngân, F Linh Chiểu, Q. Thủ Đức	Nguyễn Quản	(84 8) 8963096
Tử Liêm	Đường Cầu Diễn, Xuân Phương	Trần Đức Quang	(84 4) 7643 362
CÁC CHI NHÁNH TỈNH, THÀNH PHỐ			
An Giang	51 B Tôn Đức Thắng, T.P Long Xuyên	Nguyễn Trí Tâm	(84 76) 852 587
Bình Định	44 Lê Thánh Tôn, Thành Phố Quy Nhơn	Phan Đình Trung	(84 56) 891 904
Bình dương	9 Đoàn Trần Nghiệp, T.X Thủ Dầu Một	Nguyễn Ngọc Việt	(84 650) 822 276
Bình Phước	262 đường Phú Riềng, T.X Đồng Xoài	Nguyễn Văn Lâm	(84 651) 879 489
Bình Thuận	7 Trần Quốc Toản, T.P Phan Thiết	Trần Văn Hai	(84 62) 818 813
Bà rịa Vũng tàu	55 phường Phước Trung, T.X Bà Rịa	Văn Hồng Thanh	(84 64) 825 336
Bắc Cạn	Phùng Chí Kiên, T.X Bắc Kạn	Nguyễn Ngọc Báu	(84 281) 870 291
Bắc Giang	Đường Ngô Gia Tự, T.X Bắc Giang	Phạm Hoài Bắc	(84 240) 854 744
Bắc Ninh	Đường Nguyễn Đăng Đạo, T.X Bắc Ninh	Nguyễn Sáu	(84 241) 822 515
Bạc Liêu	41C/4 Trần Huỳnh, phường 7, T.X Bạc Liêu	Hà An Long	(84 781) 822 920

Màng lưới hoạt động trong nước

Cà Mau	5 đường An Dương Vương, T.P Cà Mau	Lý Nam Hải	(84 780) 832 311
Cao Bằng	Đường Hoàn Đinh Gióng, T.X Cao Bằng	Nông Trọng Hổ	(84 26) 852 576
Cần Thơ	3 Phan Đình Phùng, T.P Cần Thơ	Lê Văn Tho	(84 71) 810 913
Đà Nẵng	23 Phan Đình Phùng, T.P Đà Nẵng	Ngô Lành	(84 511) 821 166
Đắk Lăk	37 Phan Bội Châu, T.P Buôn Ma Thuột	Võ Huỳnh	(84 50) 853 778
Đồng nai	121-123 Đường 30/4, T.P Biên Hòa	Huỳnh Thị Nhàn	(84 61) 822 598
Đồng Tháp	Đốc Bình Kiều, Phường 2 T.X Cao Lãnh	Nguyễn Ngọc Rạng	(84 67) 855 696
Gia Lai	25 Tăng Bạt Hổ, T.P Pleiku	Đặng Văn Quang	(84 59) 823 877
Hà Giang	Phường Nguyễn Trãi, T.X Hà Giang	Nguyễn Huy Tượng	(84 19) 866 459
Hà Nam	Phường Quang Trung, T.X Phú lý	VŨ Đức Chính	(84 351) 825 842
Hà nội	77 Lạc Trung, HBT, Hà Nội	Nguyễn Quốc Hùng	(84 4) 6361 979
Hà Tây	34 đường Tô Hiệu, Nguyễn Trãi, Hà đông	Trần Văn Dự	(84 34) 829 740
Hà Tĩnh	1 Phan Đình Phùng, T.X Hà tĩnh	Võ Văn Chân	(84 39) 855 432
Hải Dương	4 đường Lê Thanh Nghị, TP Hải Dương	Đỗ Thị Thành	(84 320) 890 573
Hải Phòng	283 Lạch Tray, Ngõ Quyền, T.P Hải phòng	Phạm Thị Im	(84 31) 728 922
Hưng Yên	304 đường Nguyễn Văn Linh, TX Hưng Yên	Đuong Văn Tự	(84 321) 862 989
Hòa Bình	6 phường Phượng Lâm, T.X Hòa Bình	Ngô Xuân Hùng	(84 18) 857 798
Khánh Hòa	2 Hùng Vương, T.P Nha Trang	Võ Đức Chuồng	(84 58) 811 385
Kiên giang	01 Nghỉ Tàm, T.X Rạch Giá	Tiết Văn Thành	(84 77) 866 873
Kon Tum	88 Trần Phú, T.X Kontum	Trần Văn Ân	(84 60) 865 674
Lâm Đồng	21 B đường Trần Phú, T.P Đà Lạt	Nguyễn Văn Chiếu	(84 63) 822 689
Lào Cai	Đường Hoàng Sào, T.X Lao Cai	Doãn Văn Hoàn	(84 20) 820 051
Lạng Sơn	Số 3 Lý Thái Tổ, T.X Lạng Sơn	Vy Văn Việt	(84 25) 812 994
Lai Châu	7/5 F phường Mường Thanh, T.X Điện Biên	Hồ Văn Sơn	(84 23) 825 786
Long An	136-138 Nguyễn Trung Trực, F1 TX Tân An	Nguyễn Ngọc Thuỷ	(84 72) 829 299
Nam Định	91 Trần Hưng Đạo, TP Nam Định	Phạm Hồng Cò	(84 350) 8427 262
Nghệ An	364 Nguyễn Văn Cừ, T.P Vinh, Nghệ An	Phan Hoàng Vượng	(84 38) 843 247
Ninh Bình	Đường Trần Hưng Đạo, T.X Ninh Bình	Lưu Công Hoan	(84 030) 873 024
Ninh Thuận	330-334 Thống Nhất, T.X Phan Rang	Lê Văn Cường	(84 68) 822 874
Phú Thọ	674 đường Hùng Vương, T.P Việt Trì	VŨ Văn Minh	(84 210) 846 146
Phú Yên	77 Nguyễn Du, T.X Tuy Hòa	Nguyễn Ninh	(84 57) 823 465
Quảng Bình	2 Mẹ Suốt, T.X Đồng Hới	Hoàng Xuân Mai	(84 52) 822 648
Quảng Nam	6 Phan Bội Châu, Tam Kỳ, Quảng Nam	Võ Văn Lâm	(84 510) 8522 257
Quảng Ngãi	194 Trần Hưng Đạo, T.X Quảng Ngãi	Phạm Duy Hùng	(84 55) 821 110
Quảng Ninh	159 phường Cao Thắng, T.P Hạ Long	Nguyễn Thị Lò	(84 33) 825 897
Quảng Trị	1A Lê Quý Đôn, T.X Đông Hà	Hồ Sỹ Trọng	(84 53) 852 786
Sơn la	8 Chu Văn Thịnh, T.X Sơn La	Hồ Văn Hoè	(84 22) 852 400
Sài gòn	7 Bis, Bến Chương Dương, Q. 1, T.P HCM	Vũ Tiến Khu	(84 8) 8292 797
Sóc Trăng	4 Trần Hưng Đạo, phường 2, T.X Sóc Trăng	Nguyễn Tân Bửu	(84 79) 820 403
Tây Ninh	648 Cách Mạng Tháng 8, F3 T.X Tây Ninh	Võ Tư Thiện	(84 66) 822 175
Thái Bình	Đường Trần Hưng Đạo, T.X Thái Bình	Nguyễn Thị Liên	(84 36) 831 488
Thái Nguyên	279 đường Bắc Nam, T.P Thái Nguyên	Nguyễn Văn Thường	(84 280) 855 116
Thanh Hoá	11 Phan Chu Trinh, T.P Thanh hoá	Đỗ Quốc Mịn	(84 37) 851 588
Thừa Thiên Huế	10 Hoàng Hoa Thám, T.P Huế'	Ngô Văn Toàn	(84 54) 822 648
Tiền Giang	31 Lê Lợi, phường 1, T.P Mỹ Tho.	Võ Thanh Nhâ	(84 73) 878 563
Trà Vinh	70-72 Lê Lợi, T.X Trà Vinh	Lê Thị Dung	(84 74) 858 162
Tuyên Quang	279 Chiến Thắng Sông Lô, TX Tuyên Quang	Nguyễn Thị Tuyết	(84 27) 822 635
Vĩnh Long	28 Hưng Đạo Vương, phường 1, TX Vĩnh Long	Nguyễn Tân Thành	(84 70) 822 401
Vĩnh Phúc	T.X Vĩnh Yên	Đặng Xuân Ý	(84 211) 862 548
Yên Bái	379 đường Đinh Tiên Hoàng, T.P Yên Bái	Tạ Văn Long	(84 29) 852 358
CÁC CƠ SỞ ĐÀO TẠO			
Đồng bằng SCL	15 Hòa Bình, T.P Cần Thơ	Lê Văn Tho	(84 071) 810 911
Duyên Hải	279, Đường Lạch Tray, T.P Hải Phòng	Phạm Thị Im	(84 031) 731 365
Hà Tây	34 Tô Hiệu, T.X Hà Đông	Trần Văn Dự	(84 034) 824 817
Linh Đàm	Thôn Đại Từ, Xã Đại Kim, Hà Nội	(84 4) 6411 312	
Long Hải	Thị trấn Long Hải, Bà Rịa Vũng Tàu	Hồ Phúc Nguyên	(84 064) 868 012
Miền Nam	2A, Phó Đức Chính, Q. 1, T.P HCM	Trần Ngọc Hải	(84 8) 8210 171
Miền Trung	20 Yên Bái, T.P Đà Nẵng	Trần Ngọc Sơn	(84 0511) 818 332
Nam Định	91 Trần Hưng Đạo, T.P Nam Định	Phạm Hồng Cò	(84 0350) 846 876
Nghệ An	346 Nguyễn Văn Cừ, T.P Vinh, Nghệ An	Phan Hoang Vượng	(84 038) 844 789
Nha Trang	2 Hùng Vương, T.P Nha Trang	Võ Đức Chuồng	(84 058) 822 012

